ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: ĐÔNG NAM Á HỌC
MÃ SỐ: 7310620

Hà Nội, 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: ĐÔNG NAM Á HỌC

MÃ SỐ: 7310620

Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Đông Nam Á học, ban hành theo Quyết định số /QĐ-XHNV, ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Hà Nội, 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: ĐÔNG NAM Á HỌC
MÃ SỐ: 7310620

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2
1. Một số thông tin về chương trình đào tạo 2
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo 2
2.1. Mục tiêu chung 2
2.2. Mục tiêu cụ thể 2
3. Thông tin tuyển sinh 3
3.1. Hình thức tuyển sinh: 3
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 4
A. Chuẩn đầu ra 4
1. Chuẩn đầu ra về kiến thức 4
1.1. Kiến thức chung 4
1.2. Kiến thức theo lĩnh vực 4
1.3. Kiến thức của khối ngành 4
1.4. Kiến thức của nhóm ngành 4
1.5. Kiến thức ngành 4
2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng 5
2.1. Kĩ năng chuyên môn 5
2.2. Kĩ năng bổ trợ 5
3. Mức tự chủ và trách nhiệm 5
4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp 6
5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp 6
B. Ma trận chuẩn đầu ra 7
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 14
1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo 14
2. Khung chương trình đào tạo 15
3. Danh mục tài liệu tham khảo 22
5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo 118
5.1. Tiến trình đào tạo 118
5.2. Các yêu cầu thực hiện CTĐT 126
5.4. Phương pháp giảng dạy và học tập 129
5.5. Phương pháp đánh giá 129
6. So sánh với chương trình đào tạo của một chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài 129

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: ĐÔNG NAM Á HỌC
MÃ SỐ: 7310620

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Đông Nam Á học

+ Tiếng Anh: Southeast Asian Studies

- Mã số ngành đào tạo: 7310620

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Đông Nam Á học

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Southeast Asian Studies

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những cử nhân có phẩm chất chính trị tốt, có kỉ luật, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức xây dựng đất nước, phát triển xã hội, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, có khát vọng và tư duy khởi nghiệp; Có kiến thức cơ bản, hệ thống về Đông Nam Á học, có khả năng giải quyết được các nhiệm vụ công việc liên quan đến chuyên ngành Đông Nam Á học, sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và trong công việc chuyên môn (tiếng Anh hoặc một ngôn ngữ bản địa khu vực), có khả năng học tập và nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Có kiến thức cơ sở về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin cùng các kiến thức chuyên sâu về lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, ngôn ngữ, v.v. ở Đông Nam Á, đáp ứng yêu cầu công việc trong môi trường đa văn hóa, toàn cầu hóa; Sử dụng được một ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh, tiếng Thái Lan, tiếng Indonesia) trong giao tiếp và trong công tác chuyên môn;

- Có kĩ năng cá nhân, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng sử dụng tin học văn phòng, cùng các kĩ năng chuyên môn như kĩ năng khám phá kiến thức, giải quyết vấn đề, kĩ năng thích nghi với sự biến đổi của xã hội và môi trường làm việc, có tư duy logic, hệ thống, và khả năng tự học tập, đào tạo, phát triển ở trình độ cao hơn nhằm đáp ứng nhu cầu của các ngành nghề liên quan đến các nước Đông Nam Á;

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân, xã hội, và đạo đức nghề nghiệp, có tính tự chủ và trách nhiệm, sẵn sàng chia sẻ và vận dung kiến thức chuyên môn liên quan đến Đông Nam Á cho công việc liên quan; Có thể làm việc cho các trường, viện nghiên cứu, các cơ quan, doanh nghiệp ở Việt Nam và khu vực, các tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội v.v. ... có liên quan đến các nước và khu vực Đông Nam Á.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

3.2. Đối tượng dự tuyển:

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

Theo chỉ tiêu được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO1. Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật trong các hoạt động nghiệp vụ, nghiên cứu và thực tiễn;

PLO2. Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

PLO3. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu, cũng như ứng dụng các kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghiệp 4.0.

1.3. Kiến thức của khối ngành

PLO4. Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khu vực học, báo chí, quan hệ công chúng, quan hệ quốc tế, khoa học du lịch, quản trị văn phòng, tôn giáo, nhân học, luật quốc tế cùng kiến thức niên luận trong học tập, nghiên cứu và trong các công việc liên quan đến Đông Nam Á học;

PLO5. Phân tích được những vấn đề cơ bản về lịch sử, văn hóa, tư tưởng và tình hình phát triển kinh tế diễn ra tại các nước phương Đông cùng mối liên hệ của nó với khu vực Đông Nam Á.

1.4. Kiến thức của nhóm ngành

PLO6. Vận dụng được kiến thức tổng quan về địa lý nhân văn, về lịch sử hình thành, phát triển của Đông Nam Á học cùng một số khái niệm, lý luận về các vấn đề khoa học xã hội, và các phương pháp nghiên cứu Đông Nam Á học vào việc học tập và nghiên cứu các vấn đề của khu vực Đông Nam Á;

PLO7. Phân tích được tình hình lịch sử, chính trị, văn hóa, quan hệ quốc tế, vấn đề biển Đông và sông Mekong, vấn đề dân tộc ở khu vực Đông Nam Á.

1.5. Kiến thức ngành

PLO8. Vận dụng được các kiến thức cơ sở, nâng cao, kiến thức chuyên ngành về ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Indonesia hoặc tiếng Thái) trong giao tiếp xã hội, trong nghiên cứu và trong các công việc chuyên môn liên quan đến các nước Đông Nam Á;

PLO9. Phân tích được các vấn đề chuyên sâu về địa lý nhân văn và kinh tế Đông Nam Á, Cộng đồng ASEAN, tôn giáo, du lịch, văn học nghệ thuật, di chuyển lao động, văn hóa, lịch sử, chính trị, xã hội của khu vực Đông Nam Á;

PLO10. Vận dụng được kiến thức từ quá trình thực tập, khóa luận tốt nghiệp cho việc nghiên cứu hoặc trong công việc liên quan đến Đông Nam Á;

PLO11. Đánh giá được một số vấn đề về lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội cùng cơ hội, tiềm năng và thách thức của một số nước/khu vực Đông Nam Á trong thời kì đương đại.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

2.1. Kĩ năng chuyên môn

PLO12. Vận dụng được kĩ năng nghiên cứu trong Đông Nam Á học để tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề của Đông Nam Á, kĩ năng sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp, tra cứu tư liệu, viết báo cáo, thuyết trình, trao đổi công việc, v.v...;

PLO13. Phát triển khả năng tư duy logic, hệ thống trong việc trình bày và nghiên cứu về một vấn đề của Đông Nam Á học;

PLO14. Phát triển tư duy giải quyết vấn đề đối với các khó khăn, thách thức trong thực tiễn khu vực Đông Nam Á, trong nghiên cứu về Đông Nam Á hoặc trong công việc;

PLO15. Phát triển khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức thông qua việc khai thác các nguồn tư liệu trên các kênh khác nhau và thông qua khả năng phân tích vấn đề, đồng thời phát triển năng lực tự học tập, tự đào tạo và nghiên cứu suốt đời;

PLO16. Phát triển khả năng thích nghi với bối cảnh tổ chức, xã hội thông qua quan sát, đánh giá và rút kinh nghiệm để thích ứng và phát triển bản thân trong môi trường sống và làm việc.

2.2. Kĩ năng bổ trợ

PLO17. *Kĩ năng cá nhân*

Sắp xếp được công việc khoa học, hợp lý, hoàn thành công việc dưới áp lực thời gian, có kĩ năng thuyết trình, kĩ năng giao tiếp với các đối tượng khác nhau trong từng bối cảnh cụ thể; thích ứng nhanh với môi trường sống và làm việc, v.v.

PLO18. *Kĩ năng làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm*

Có khả năng làm việc trong nhóm, xây dựng nhóm làm việc, tạo liên kết giữa các thành viên trong nhóm; biết cách đề xuất mục tiêu, kế hoạch làm việc nhóm, vận hành nhóm, đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên.

POL19. *Kĩ năng sử dụng ngoại ngữ*

Sử dụng được Ngoại ngữ ở trình độ B1, tương đương trình độ bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO20. Sẵn sàng chia sẻ các kiến thức về các quốc gia và khu vực Đông Á/Đông Nam Á cho những người khác có quan tâm; có ý thức phát triển hoặc đảm nhiệm các công việc có liên quan đến Đông Nam Á;

PLO21. Phát triển các phẩm chất cá nhân như kiên trì, chăm chỉ, tự tin, cảm thông, chia sẻ, trung thực, có ý thức phản biện;

PLO22. Có ý thức xây dựng cộng đồng; bảo vệ môi trường; đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội; tôn trọng chuẩn mực đạo đức xã hội, tuân thủ pháp luật, phát huy trách nhiệm, nghĩa vụ và đạo đức của công dân;

PLO23. Có tính trung thực, có trách nhiệm, đáng tin cậy trong công việc, liêm chính trong học thuật, hợp tác với đồng nghiệp; tôn trọng văn hóa và các giá trị lịch sử của các quốc gia trong khu vực.

4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên ngành Đông Nam Á học sau khi tốt nghiệp có thể công tác ở các nơi như: Các bộ, ban, ngành cấp Trung ương (như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ...) và ở địa phương; các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài; các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ; các tổ chức xã hội; các đại sứ quán; các cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu; các cơ quan báo chí truyền thông v.v…

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên tốt nghiệp ngành Đông Nam Á học có thể tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn ở trong nước, đặc biệt là theo học trình độ thạc sĩ ngành châu Á học và tiến sĩ chuyên ngành Đông Nam Á học;

- Ngoài ra, sinh viên có thể đăng ký theo học các bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại nhiều nước và vùng lãnh thổ như Thái Lan, Indonesia, Singapore, Malaysia, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc…

B. Ma trận chuẩn đầu ra

TT	Mã môn học	Tên học phần	Kiến thức					Kỹ năng													Mức tự chủ và trách nhiệm				
		PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	**Khối kiến thức chung**																								
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	**3**											**3**			**4**		**4**	**4**				**5**	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	**3**														**4**		**4**				**5**	**5**	**4**
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	**3**														**5**		**4**	**4**				**5**	
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	**3**														**4**		**4**						**4**
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	**3**														**4**		**4**	**4**					**4**
6	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	**3**														**5**							**4**	**4**
7	INT1226	Tin học cơ sở		**3**																					**4**
8	FLF1107	Tiếng Anh B1	**3**																**4**	**4**	**3**				**4**
9		Kĩ năng bổ trợ															**4**		**4**	**4**			**4**		**4**
10		Giáo dục thể chất																							
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh																							
II	**Khối kiến thức theo lĩnh vực**																								

II.1		***Các học phần bắt buộc***																						
12	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học			**3**											**4**						**4**		
13	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam			**3**											**4**						**4**		**4**
14	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới			**3**											**4**						**4**	**4**	**4**
15	PHI1054	Logic học đại cương			**3**											**4**								**4**
16	PSY1051	Tâm lý học đại cương			**3**																	**4**		
17	SOC1051	Xã hội học đại cương			**3**											**4**						**4**		**4**
II.2		***Các học phần tự chọn***																						
18	INE1014	Kinh tế học đại cương			**3**											**4**		**4**	**4**			**4**	**4**	
19	EVS1001	Môi trường và phát triển			**3**													**4**					**4**	
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội			**3**														**4**					**4**
21	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt			**3**													**4**				**4**		
22	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin			**3**											**4**								**4**
23	LIT1053	Viết học thuật			**3**													**4**				**4**		
24	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng			**3**											**5**		**4**	**4**			**4**		
25	ITS1051	Hội nhập Quốc tế và phát triển			**3**													**4**	**4**			**4**		
26	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam			**3**											**4**							**4**	**4**
III	**Khối kiến thức theo khối ngành**																							
III.1		***Các học phần bắt buộc***																						

27	SEA1103	Tiếng Anh nâng cao 1								**3**				**3**			**4**			**4**			**4**		**4**
28	SEA1104	Tiếng Anh nâng cao 2								**3**				**3**					**4**	**4**				**4**	**4**
29	MNS1054	Khởi nghiệp				**3**										**4**	**3**						**4**	**4**	
30	SEA4001	Niên luận					**4**				**4**			**3**	**4**	**4**	**4**		**4**		**3**	**4**	**4**	**4**	**4**
III.2		***Các học phần tự chọn***																							
31	SEA1100	Lịch sử văn hóa và tư tưởng phương Đông					**4**							**3**			**4**			**4**		**4**		**4**	**4**
32	SEA1102	Kinh tế Đông Á					**4**							**3**	**4**	**4**	**4**		**4**	**4**	**3**	**4**	**4**	**4**	
33	ITS1104	Khu vực học đại cương				**3**									**3**	**3**			**4**	**4**			**4**	**4**	**4**
34	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương				**3**											**4**			**4**			**4**		**4**
35	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương				**3**											**4**		**4**	**4**					**4**
36	ITS1100	Nhập môn Quan hệ quốc tế				**3**									**3**	**3**	**4**		**4**	**4**			**4**	**4**	**4**
37	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch				**3**													**4**	**4**			**4**	**4**	**4**
38	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng				**3**													**4**	**4**			**4**		**4**
39	ANT1100	Nhân học đại cương				**3**													**4**						**4**
40	ITS1151	Luật quốc tế				**3**									**3**	**4**	**4**		**4**	**4**			**4**	**4**	**4**
IV	**Khối kiến thức theo nhóm ngành**																								
IV.1		***Các học phần bắt buộc***																							

41	SEA1150	Nhập môn Đông Nam Á học					**4**							**3**	**4**	**4**			**4**	**4**	**3**	**4**	**4**		**4**
42	SEA1151	Lịch sử Đông Nam Á						**4**	**4**						**4**		**4**		**4**	**4**	**3**	**4**	**4**		**4**
43	SEA2000	Văn hóa Đông Nam Á							**4**						**4**		**4**		**4**	**4**	**3**	**4**	**4**		**4**
IV.2		***Các học phần tự chọn***																							
IV.2 .1		***Kiến thức chuyên sâu của ngành***																							
44	SEA1154	Thể chế chính trị các nước Đông Nam Á						**4**	**4**						**4**		**4**		**4**	**4**	**3**	**4**		**4**	**4**
45	SEA3027	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á						**4**	**4**						**4**		**4**		**4**	**4**	**3**	**4**			**4**
46	SEA3028	Biển Đông và sông Mekong ở Đông Nam Á							**4**						**4**		**4**		**4**	**4**	**3**	**4**			
47	SEA1155	Các dân tộc ở Đông Nam Á						**4**	**4**						**4**	**4**	**4**		**4**	**4**	**3**	**4**	**4**	**4**	**4**
IV.2 .2		***Kiến thức liên ngành***															**4**				**3**				
48	ARO1161	Tổ chức văn phòng				**3**											**4**				**3**				
49	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng				**3**											**4**				**3**				
50	TOU1150	Văn hóa du lịch				**3**											**4**				**3**				
51	TOU1151	Marketing du lịch				**3**											**4**				**3**				
52	PRS3004	Tổ chức sự kiện				**3**											**4**				**3**				

53	SOW1102	Phát triển cộng đồng				**3**										**4**				**3**				
V	**Khối kiến thức ngành**																							
V.1		***Các học phần bắt buộc***																						
54	SEA2001	Địa lý, cư dân và kinh tế Đông Nam Á								**4**		**5**		**4**	**4**	**4**			**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**
55	SEA3010	Cộng đồng ASEAN								**4**		**5**		**4**	**4**	**4**		**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**
56	SEA1156	Tôn giáo ở Đông Nam Á							**4**		**4**		**5**		**4**	**4**				**4**		**4**			**4**
57	SEA3032	Tiếng Anh chuyên ngành (Văn hóa)								**3**				**3**					**4**	**4**		**4**			**4**
58	SEA3033	Tiếng Anh chuyên ngành (Lịch sử)								**3**	**4**			**3**	**4**		**4**		**4**	**4**		**4**	**4**		**4**
59	SEA3034	Tiếng Anh chuyên ngành (Chính trị)								**3**	**4**			**3**			**4**	**4**		**4**				**4**	**4**
60	SEA3035	Tiếng Anh chuyên ngành (Xã hội)								**3**	**4**			**3**					**4**			**4**	**4**	**4**	
61	SEA3036	Tiếng Anh chuyên ngành (Kinh tế)								**3**				**3**	**4**					**4**		**4**	**4**		**4**
		Bắt buộc (theo hướng tự chọn tiếng bản địa khu vực)																							
62	SEA3007	Tiếng Indonesia sơ cấp 1								**3**				**3**			**4**		**4**	**4**		**4**	**4**		**4**
63	SEA3008	Tiếng Indonesia sơ cấp 2								**3**				**3**			**4**		**4**	**4**		**4**	**4**		**4**
64	SEA3005	Tiếng Thái sơ cấp 1								**3**				**3**					**4**	**4**		**4**	**4**		**4**
65	SEA3006	Tiếng Thái sơ cấp 2								**3**				**3**					**4**	**4**		**4**	**4**		**4**

V.2		***Các học phần tự chọn***																							
66	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á								**4**		**5**			**4**	**4**		**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	
67	SEA3037	Phát triển du lịch ở các nước Đông Nam Á				**3**				**4**		**5**		**4**	**4**	**4**		**4**			**4**	**4**		**4**
68	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN								**4**		**5**		**4**	**4**	**4**		**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**
69	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1								**3**				**3**			**4**		**4**			**4**	**4**		**4**
70	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2								**3**				**3**			**4**		**4**			**4**	**4**		**4**
71	SEA3038	Tiếng Indonesia nâng cao 1								**3**	**4**			**3**			**4**		**4**			**4**			**4**
72	SEA3039	Tiếng Indonesia nâng cao 2								**3**	**4**			**3**			**4**		**4**			**4**			**4**
73	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1								**3**				**3**			**4**		**4**	**4**		**4**	**4**		**4**
74	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2								**3**					**4**		**4**		**4**	**4**		**4**	**4**		**4**
75	SEA3040	Tiếng Thái nâng cao 1								**3**	**4**			**3**			**4**					**4**			**4**
76	SEA3041	Tiếng Thái nâng cao 2								**3**	**4**			**3**	**4**		**4**		**4**	**4**		**4**	**4**	**4**	
		Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																							
77	SEA4003	Thực tập tốt nghiệp										**3**	**5**	**3**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**
78	SEA4050	Khóa luận tốt nghiệp									**4**	**3**	**5**	**3**	**4**	**4**	**4**		**4**		**4**	**4**	**4**	**4**	**4**
		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																							
79	SEA4052	Cơ hội và tiềm năng phát triển của Đông Nam Á trong thời kỳ									**4**		**5**	**3**	**4**		**4**		**4**	**4**	**4**	**4**		**4**	**4**

		hội nhập khu vực																							
80	SEA4051	Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương đại								**4**		**5**		**4**	**4**	**4**		**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**	**4**

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kĩ năng bổ trợ):	**132 tín chỉ**
- **Khối kiến thức chung** (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kĩ năng bổ trợ):	**21 tín chỉ**
- **Khối kiến thức theo lĩnh vực**:	**24 tín chỉ**
+ Bắt buộc	18 tín chỉ
+ Tự chọn	6/18 tín chỉ
- **Khối kiến thức theo khối ngành**:	**20 tín chỉ**
+ Bắt buộc	11 tín chỉ
+ Tự chọn	9/30 tín chỉ
- **Khối kiến thức theo nhóm ngành**:	**15 tín chỉ**
+ Bắt buộc	9 tín chỉ
+ Tự chọn kiến thức chuyên sâu của ngành	6/12 tín chỉ
+ Tự chọn kiến thức liên ngành	6/18 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành**:	**52 tín chỉ**
+ Bắt buộc	29 tín chỉ
+ Tự chọn	15/33 tín chỉ
+ Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	8 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết1	*Thực hành 2*	*Tự học 3*	
I		**Khối kiến thức chung** *(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kĩ năng bổ trợ)*	21				
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin *Marxist-Leninist Philosophy*	3	42	6	102	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin *Political economy of Marx - Lenin*	2	20	20	60	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học *Scientific socialism*	2	28	4	68	PHI1006
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	28	4	68	
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *History of Vietnamese Communist Party*	2	28	4	68	
6	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương *General State and Law*	2	20	20	60	PHI1006
7	INT1226	Tin học cơ sở *Basic Informatics*	3	30	30	90	
8	FLF1107	Tiếng Anh B1 *English B1*	5	20	70	160	
9		Kĩ năng bổ trợ *Soft Skills*	3				
10		Giáo dục thể chất *Physical Education*	4				
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh *National Defence Education*	8				
II		**Khối kiến thức theo lĩnh vực**	**24**				
II.1		***Các học phần bắt buộc***	**18**				
12	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học *Scientific Research Methods*	3	42	6	102	
13	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam *Introduction to Vietnamese Culture*	3	42	6	102	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết1	*Thực hành 2*	*Tự học 3*	
14	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới *History of World Civilizations*	3	42	6	102	
15	PHI1054	Logic học đại cương *General Logics*	3	42	6	102	
16	PSY1051	Tâm lý học đại cương *General Psychology*	3	42	6	102	
17	SOC1051	Xã hội học đại cương *General Sociology*	3	42	6	102	
II.2		***Các học phần tự chọn***	***6/18***				
18	INE1014	Kinh tế học đại cương *General Economics*	2	26	8	66	
19	EVS1001	Môi trường và phát triển *Environment and Development*	2	28	4	68	
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội *Statistics for Social Sciences*	2	26	8	66	
21	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt *Practicing on Vietnamese Texts*	2	20	20	60	
22	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin *Introduction to Information Literacy*	2	28	4	68	
23	LIT1053	Viết học thuật *Academic Writing*	2	30	0	70	
24	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng *Creation Thinking and Idea Design*	2	24	12	64	
25	ITS1051	Hội nhập Quốc tế và phát triển *International Integration and Development*	2	28	4	68	
26	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam *Vietnam 's Political System*	2	28	4	68	
III		**Khối kiến thức theo khối ngành**	**20**				
III.1		*Các học phần bắt buộc*	*11*				
27	SEA1103	Tiếng Anh nâng cao 1 *Advanced English 1*	3	0	90	60	FLF1107

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết1	*Thực hành 2*	*Tự học 3*	
28	SEA1104	Tiếng Anh nâng cao 2 *Advanced English 2*	3	0	90	60	SEA1103
29	MNS1054	Khởi nghiệp *Start-up*	3	42	6	102	
30	SEA4001	Niên luận *Annual Essay*	2	0	0	100	
III.2		***Các học phần tự chọn***	***9/30***				
31	SEA1105	Lịch sử, văn hóa và tư tưởng phương Đông *History, Culture and Ideology of the Orient*	3	45	0	105	
32	SEA1106	Kinh tế Đông Á *East Asian Economy*	3	45	0	105	
33	ITS1104	Khu vực học đại cương *General Area Study*	3	42	6	102	
34	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương *General Media Journalism*	3	42	6	102	
35	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương *General public relations*	3	39	12	99	
36	ITS1100	Nhập môn Quan hệ quốc tế *Introduction to International Relations*	3	42	6	102	
37	TOU1102	Nhập môn du lịch *Introduction to tourism*	3	39	12	99	
38	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng *Introduction to Office Administration*	3	42	6	102	
39	ANT1100	Nhân học đại cương *General Anthropology*	3	39	12	99	
40	ITS1151	Luật quốc tế *International Law*	3	42	6	102	
IV		**Khối kiến thức theo nhóm ngành**	**15**				
IV.1		*Các học phần bắt buộc*	*9*				
41	SEA1150	Nhập môn Đông Nam Á học *Introduction to Southeast Asian studies*	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết1	*Thực hành 2*	*Tự học 3*	
42	SEA1151	Lịch sử Đông Nam Á *History of Southeast Asia*	3	45	0	105	
43	SEA2000	Văn hóa Đông Nam Á *Culture of Southeast Asia*	3	42	6	102	
IV.2		Các học phần tự chọn	6				
IV.2.1		*Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành*	*6/12*				
44	SEA1154	Thể chế chính trị các nước Đông Nam Á *Political Institutions in Southeast Asia*	3	45	0	105	
45	SEA3027	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á International Relations of Southeast Asia	3	45	0	105	
45	SEA3028	Biển Đông và sông Mekong ở Đông Nam Á *East Sea and Mekong River in Southeast Asia*	3	45	0	105	
47	SEA1155	Các dân tộc ở Đông Nam Á *Ethnics in Southeast Asia*	3	45	0	105	
IV.2.2		*Định hướng kiến thức liên ngành*	*6/18*				
48	ARO1161	Tổ chức văn phòng *Office organization*	3	42	6	102	ARO1151
49	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng *Office HR Management*	3	42	6	102	ARO1151
50	TOU1150	Văn hóa du lịch *Tourism culture*	3	39	12	99	
51	TOU1151	Marketing du lịch *Marketing in tourism industry*	3	39	12	99	TOU1102
52	PRS3004	Tổ chức sự kiện *Event Management*	3	30	30	90	PRS1100
53	SOW1102	Phát triển cộng đồng *Community development*	3	42	6	102	
V		**Khối kiến thức ngành**	**52**				
V.1		***Các học phần bắt buộc***	***29***				
54	SEA2001	Địa lý, cư dân và kinh tế Đông Nam Á *Geography, People, and Economy of Southeast Asia*	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết1	*Thực hành 2*	*Tự học 3*	
55	SEA3010	Cộng đồng ASEAN *ASEAN Community*	2	30	0	70	
56	SEA1156	Tôn giáo ở Đông Nam Á *Religions in Southeast Asia*	3	42	6	102	
57	SEA3032	Tiếng Anh chuyên ngành (Văn hóa) *English for special purposes (Culture)*	3	0	90	60	
58	SEA3033	Tiếng Anh chuyên ngành (Lịch sử) *English for special purposes (History)*	3	0	90	60	
59	SEA3034	Tiếng Anh chuyên ngành (Chính trị) *English for special purposes (Politics)*	3	0	90	60	
60	SEA3035	Tiếng Anh chuyên ngành (Xã hội) *English for special purposes (Society)*	3	0	90	60	
61	SEA3036	Tiếng Anh chuyên ngành (Kinh tế) *English for special purposes (Economy)*	3	0	90	60	
V.2		***Bắt buộc (theo hướng tự chọn tiếng bản địa khu vực)***	***6/12***				
62	SEA3007	Tiếng Indonesia sơ cấp 1 *Elementary Indonesian language 1*	3	0	90	60	
63	SEA3008	Tiếng Indonesia sơ cấp 2 *Elementary Indonesian language 2*	3	0	90	60	
64	SEA3005	Tiếng Thái sơ cấp 1 *Elementary Thai language 1*	3	0	90	60	
65	SEA3006	Tiếng Thái sơ cấp 2 *Elementary Thai language 2*	3	0	90	60	
V.3		***Các học phần tự chọn***	***15/33***				
66	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á *Literature and Arts in Southeast Asia*	3	45	0	105	
67	SEA3037	Phát triển du lịch ở các nước Đông Nam Á	3	42	6	102	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết1	*Thực hành 2*	*Tự học 3*	
		Tourism development in Southeast Asia					
68	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN *Migration and Labour Mobility in ASEAN*	3	45	0	105	
69	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1 *Intermediate Indonesian language 1*	3	0	90	60	
70	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2 *Intermediate Indonesian language 2*	3	0	90	60	
71	SEA3038	Tiếng Indonesia nâng cao 1 *Advanced Indonesian language 1*	3	0	90	60	
72	SEA3039	Tiếng Indonesia nâng cao 2 *Advanced Indonesian language 2*	3	0	90	60	
73	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1 *Intermediate Thai language 1*	3	0	90	60	
74	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2 *Intermediate Thai language 2*	3	0	90	60	
75	SEA3040	Tiếng Thái nâng cao 1 *Advanced Thai language 1*	3	0	90	60	
76	SEA3041	Tiếng Thái nâng cao 2 *Advanced Thai language 2*	3	0	90	60	
V.4		***Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp***	***8***				
77	SEA4003	Thực tập tốt nghiệp *Graduation internship*	3	0	0	150	
78	SEA4050	Khóa luận tốt nghiệp *Graduation thesis*	5	0	0	250	
		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chung cho sinh viên toàn ngành					
79	SEA4052	Cơ hội và tiềm năng phát triển của Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập khu vực *Opportunities and development potentials of Southeast Asia in the period of regional integration*	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết1	*Thực hành 2*	*Tự học 3*	
80	SEA4051	Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương đại *Some challenges of contemporary Southeast Asia*	2	30	0	70	
Tổng cộng			**132**				

Ghi chú: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết.

(2): Thực hành, thí nghiệm, thảo luận.

(3): Thực tập, nghiên cứu, tự học có kiểm tra đánh giá.

3. Danh mục tài liệu tham khảo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
1.	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. Nơi có tài liệu: Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN, phòng Tư liệu Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. 2. Bộ môn Triết học Mác - Lênin, ĐHKHXH&NV biên soạn, *Bài tập Triết học Mác - Lênin* (chỉnh lý và bổ sung hàng năm), Phòng Tư liệu, Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV. ***Học liệu tham khảo:*** 3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, phòng Tư liệu, Khoa Triết học, ĐHKHXH&NV. 4. Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, phòng Tư liệu Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV. 5. Hồ Sĩ Quý, *Con người và phát triển con người*, Nxb Sự thật, 2007, phòng Tư liệu Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV. 6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				thứ XIII, tập 1, *tập 2*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, phòng Tư liệu Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV.
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. 2. Phạm Văn Dũng, Trần Đức Hiệp (đồng chủ biên), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. ***Học liệu tham khảo:*** 3. Đảng CSVN (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. 4. Hội đồng lý luận trung ương (2014), *Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. 5. Robert B. Ekelund và F.Hebert (2003), *Lịch sử các học thuyết kinh tế,* bản tiếng Việt, NXB Thống kê, Hà Nội. 6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (dành cho bậc đại học – chuyên lý luận chính trị)*, NXB Giáo dục, Hà Nội. 7. Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Đảng CSVN (2017), Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/06/2017 về *"Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"*.
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	***Học liệu bắt buộc :*** 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Nguyễn Trọng Phúc, Ngô Đăng Tri, Nguyễn Ngọc Hà,…): *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2018. 3. Lê Mậu Hãn, *Các cương lĩnh cách mạng của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003. 4. Ngô Đăng Tri, *Tiến trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2021)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2021. 5. Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1, Quyển 1 (1930-1945), NXb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2018. 6. Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, Quyển 2 (1945-1954), NXb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2018.
4.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	***Học liệu bắt buộc***

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				1. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb CTQG, H., 2022 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. CTQG, H., 2002. 3. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb.CTQG, H., 2003. 4. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb. CTQG, H. 2003. ***Học liệu tham khảo*** 5. Lại Quốc Khánh: *Biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb CTQG, 2009. 6. Phạm Quốc Thành: Tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh những năm 20 của thế kỷ XX, Nxb CTQG, 2007. 7. Vũ Viết Mỹ: "Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam", Nxb CTQG, 2002. 8. Lê Mậu Hãn: "Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh", Nxb CTQG, 2001. 9. Hoàng Chí Bảo: "Tim hiểu phương pháp Hồ Chí Minh", Nxb CTQG, 2002. 10. Vũ Dương Ninh: "Về con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh", Nxb CTQG, 1996. 11. Mạch Quang Thắng: "Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo", Nxb

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				CTQG, 2009. 12. Nguyễn Bá Linh: "Mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh", Nxb CTQG, 2009. 13. Ho Chi Minh's Heritage in Vietnam and Abroad, Moscow University Press, 2020.
5.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	***Học liệu bắt buộc :*** 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Nguyễn Trọng Phúc, Ngô Đăng Tri, Nguyễn Ngọc Hà,…): *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2018. 3. Lê Mậu Hãn, *Các cương lĩnh cách mạng của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003. 4. Ngô Đăng Tri, *Tiến trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2021)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2021. 5. Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1, Quyển 1 (1930-1945), NXb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2018.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				6. Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, Quyển 2 (1945-1954), NXb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2018.
6.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Đào Trí Úc, Hoàng Thị Kim Quế (đồng chủ biên), Giáo trình đại cương về nhà nước và pháp luật, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội, 2018. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Montesquieu, Tinh thần pháp luật (Bản dịch), Nhà xuất bản Giáo Dục, 1996. 3. Hoàng Thị Kim Quế, Giáo trình Lý luận chung nhà nước và pháp luật, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội, 2015. 4. Nguyễn Văn Quân, Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hoá, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà nội, 2023. 5. Đào Trí Úc, Mối liên hệ giữa nhà nước và pháp luật trong thời đại ngày nay và sự nhìn nhận mới về hệ thống pháp luật, Nhà nước và pháp luật, Số 5/2021, tr.3-14. 6. Nguyễn Minh Tuấn, Sự thay đổi chức năng nhà nước và tác động của nó đối với quản trị nhà nước ở Việt Nam hiện nay, in trong sách: Các lý thuyết, mô hình, cách tiếp cận về quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2019, tr. 125-144. 7. Nguyễn Hoàng Anh, Cải cách hành chính theo mô hình quản trị

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				công mới ở một số quốc gia châu Á, Tổ chức Nhà nước, Số 5/2022, tr.75-79. 8. Nguyễn Văn Cương; Nguyễn Văn Hiển, Pháp luật và bản chất của pháp luật, Thông tin Khoa học Pháp lý, Số 1/2014, tr.4-19. 9. Bùi Xuân Phái, Yêu cầu của việc thống nhất nhận thức về nguồn pháp luật, Nhà nước và Pháp luật, Số 5/2022, tr.3-14. 10. Nguyễn Minh Tuấn, Bàn về án lệ và việc áp dụng án lệ ở Việt Nam, Nghiên cứu lập pháp, Số 1/2022, tr.4-9. 11. Nguyễn Minh Đoan, Một số ý kiến về luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ngiên cứu lập pháp, Số 15/2019, tr.25-28. 12. Đoàn Văn Nhật, Quan hệ pháp luật trong kỷ nguyên số, Nghiên cứu lập pháp, Số 10/2022, tr.10 - 17. 13. Hoàng Thị Kim Quế, Thực hiện pháp luật nhìn từ phương diện hành vi hợp pháp và tính tích cực pháp luật của công dân, Khoa học, Số 4/ 2015, tr.1-7. 14. Lê Thị Phương Nga, Ý thức pháp luật và xây dựng ý thức chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, Dân chủ & Pháp luật, Số 7/2009, tr.16-19. 15. Phạm Thị Duyên Thảo, Xã hội học vi phạm pháp luật, Nghiên cứu lập pháp, Số 8/2022, tr.10 - 17.
7.	INT1226	Tin học cơ sở	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Bộ tài liệu bài giảng: Tin học cơ sở do Khoa Thông tin - Thư viện

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				biên soạn ***Học liệu tham khảo*** 2. Tài liệu được bổ sung theo từng kỳ, tuỳ thuộc vào sự phát triển của công nghệ.
8.	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	***Học liệu bắt buộc*** 1. Sabina Ostrowtrak (2014). Unlock Listening and Speaking Skills 3, Cambridge University Press (UL-LS) 2. Carolyn Westbrook (2014). Unlock Reading and Writing Skills 3, Cambridge University Press (UL-RW) ***Học liệu tham khảo*** 3. *Cambridge PET 1, 2, 3, 4, 5, 6* 4. *Objective first* 5. *Cracking TOEFL listening* 6. Các Websites gợi ý: http://www.britishcouncil.org/learning http://esl.about.com/ www.english-at-home.com www.tolearnenglish.com ieltsonlinetests.com
9.		Kĩ năng bổ trợ	3	
10.		Giáo dục thể chất	4	
11.		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
12.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, *Các phương pháp nghiên cứu khoa học*, Tập bài giảng điện tử, 2020, Phòng tư liệu Khoa Khoa học quản lý. 2. Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục, 2015, Phòng Tư liệu, Viện Chính sách và Quản lý 3. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, *Sổ tay hướng dẫn nghiên cứu khoa học dành cho các trường Cao đẳng, Đại học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013. 4. Ranjit Kumar, *Research Methodology - A step by step guide for beginners (fourth edition*), SAGE Publications, 2014, ISBN: 9781446269961 - 9781446269978. ***Học liệu tự chọn*** 5. Vũ Cao Đàm, *Đánh giá nghiên cứu khoa học,* NXB KH&KT, 2011, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 6. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu Xã hội học,* NXB ĐHQGHN, 2016. 7. Creswell John W., Creswell J. David, 2018, Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches, SAGE Publications, ISBN: 1-5063-8671 8. Matthew B. Miles and A. Michael Huberman, 2014, Qualitative Data Analysis: A Methods Sourcebook, 3rd edition, SAGE Publications,

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				ISBN 978-1-4522-5787-7 9. Daniel Muijs, 2004, Doing quantitative research in education with SPSS, SAGE Publications, ISBN 0761943838 10. W. Lawrence Neuman, *Social Research Methods: Qualitative and Quantitative Approaches*, Pearson Education Limited (Seventh Edition), 2017
13.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	***Học liệu bắt buộc***: 1. Đào Duy Anh, Việt Nam văn hoá sử cương, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội. 2. Trần Quốc Vượng (Cb), Cơ sở văn hoá Việt Nam, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 1998. ***Học liệu tham khảo****:* 3. Phan Đại Doãn, Làng Việt Nam đa nguyên và chặt, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006. 4. Nguyễn Thừa Hỷ, Văn hóa Việt Nam truyền thống - Một góc nhìn, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2011. 5. Phan Ngọc, Bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB. Văn học, 2002. 6. Ngô Đức Thịnh (CB), Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993. 7. Trần Quốc Vượng, Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm, Nxb. Văn hóa Thông tin, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 2000.
14.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	***Học liệu bắt buộc***:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				1. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2002), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. 2. Nguyễn Văn Ánh (2005), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. ***Học liệu tham khảo***: 3. Lương Ninh (cb), *Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb. GD, 2003. 4. Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Lịch sử Thế giới trung đại, Nxb. GD, 2003. 5. Vũ Dương Ninh (cb), Lịch sử Thế giới cận đại, Nxb. GD, 2003. 6. Nguyễn Anh Thái (cb, Lịch sử Thế giới hiện đại, Nxb. GD, 2003. 7. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phu (1990), *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb. ĐH & GDCN, Hà Nội. Tập 1: *Văn minh Phương Tây*; Tập 2: *Văn minh Phương Đông*. 8. Will Durant (2000*): Lịch sử văn minh Ấn Độ*, Nxb. VHTT. 9. Will Durant (2000): *Lịch sử văn minh Trung Quốc*, Nxb. VHTT. 10. Will Durant (2000): *Lịch sử văn minh A Rập*, Nxb. VHTT. 11. Samuel Hutington: *Sự va chạm của các nền văn minh*. Nxb. Lao động, H. 2003. 12. Carane Brinton, John Christopher, Robert Lee Wolff (2004), *Lịch sử phát triển văn hóa văn minh nhân loại*, Nguyễn Văn Lượng dịch, Nxb. VHTT
15.	PHI1054	Logic học đại cương	3	***Học liệu bắt buộc :***

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				1. Phạm Quỳnh (2011), *Lô gic học đại cương,* NXB Chính trị Quốc gia. 2. Nguyễn Anh Tuấn và Nguyễn Thuý Vân (2010 - 2020), Giáo trình *Lôgíc học hình thức*, NXB ĐHQGHN. ***Học liệu tham khảo:*** 3. Nguyễn Anh Tuấn (2010), *Hỏi và đáp Logic học đại cương,* NXB ĐHQGHN
16.	PSY1051	Tâm lý học đại cương	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Trương Thị Khánh Hà. (2023). (chủ biên). *Những vấn đề cơ bản của Tâm lý học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. ***Học liệu tham khảo*** 2. Douglas Bernstein, D. et al. (2003). *Psychology*, Houghton Mifflin Company
17.	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Khoa Xã hội học, Xã hội học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, Thư viện số ĐHQGHN, Nguồn: VNU-Lic 2. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), *Xã hội học,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997, Thư viện số ĐHQGHN, Nguồn: VNU-Lic ***Học liệu tham khảo*** 3. Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh, Phương pháp nghiên cứu Xã hội học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, Thư viện số ĐHQGHN, Nguồn: VNU-Lic

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
18.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Phí Mạnh Hồng, Giáo trình Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản ĐHQGHN, 2009 2. Vũ Kim Dung, Nguyễn Văn Công, Giáo trình Kinh tế học, tập 1, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022 3. Vũ Kim Dung, Nguyễn Văn Công, Giáo trình Kinh tế học, tập 2, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022 ***Học liệu tham khảo:*** 4. David Begg, Stanley Fisher & Rudiger Dornbush, Kinh tế học, tái bản lần thứ hai, bản dịch tiếng Việt của NXB Thống kê, Hà Nội, năm 2008. 5. Paul A. Samuelson và William D. Nordhalls, Kinh tế học, tập 1, 2, tái bản lần thứ nhất, bản dịch tiếng Việt của NXB Thống kê, Hà Nội, năm 2002. 6. N. Gregory Mankiw, Kinh tế học vi mô, bản dịch, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2019.
19.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Lê Văn Khoa, Đoàn Văn Tiến, Nguyễn Song Tùng, Nguyễn Quốc Việt. Môi trường và Phát triển bền vững, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2016. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan. Môi trường và con người. Nxb. Đại học Quốc gia. Hà Nội, 2010.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
20.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	***Học liệu bắt buộc***: 1. Bài giảng của giảng viên. 2. Đặng Hùng Thắng, Trần Mạnh Cường, Thống kê cho Khoa học xã hội và sự sống (với phần mềm R), NXB ĐHQGHN, 2019. 3. Học liệu tham khảo: Rusell T. Warne, Statistics for the Scocial Sciences, Utah Valley University, 2020.
21.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Hữu Đạt - Lê Thị Nhường, *Thực hành văn bản tiếng Việt*, NXB ĐHQGHN, 2019. 2. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQGHN, 1996. ***Học liệu tham khảo:*** 3. Trần Trí Dõi, *Bài tập tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQGHN, 2000. 4. Nguyễn Hữu Đạt, *Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQGHN, 2002. 5. Nguyễn Thị Việt Thanh, *Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999. 6. Trần Ngọc Thêm, *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985. 7. Bùi Minh Toán- Lê A- Đỗ Việt Hùng, Tiếng Việt thực hành (tái bản lần thứ mười sáu), NXB Giáo dục Việt Nam, 2014. Và một số học liệu được giảng viên cập nhật hàng năm
22.	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	***Học liệu bắt buộc:***

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				1. Đỗ Văn Hùng, Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thanh Thủy, Trần Đức Hòa, Đồng Đức Hùng, Đào Minh Quân, Bùi Thị Ánh Tuyết, Bùi Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Kim Lân, Trịnh Khánh Vân, Trần Thị Thanh Vân. (2022). *Khung năng lực số cho sinh viên: Digital Literacy 2022*. Đại học Quốc Gia Hà Nội. 2. Đỗ Văn Hùng, Nguyễn Thị Kim Dung, Phạm Hải Chung, Phan Thanh Đức, Lê Quốc Hải, Mai Anh Thơ, Bùi Thanh Thủy, Trần Đức Hòa. (2022). *Năng lực số: Sách chuyên khảo*. Đại học Quốc Gia Hà Nội. 3. Đỗ Văn Hùng, Nguyễn Thị Kim Dung, Phan Thanh Đức, Phạm Hải Chung, Mai Anh Thơ, Trần Đức Hòa. (2022). *Cẩm nang phát triển năng lực số cho sinh viên*. Đại học Quốc Gia Hà Nội. 4. Nghiêm Xuân Huy. Kiến thức thông tin: Bài giảng dành cho sinh viên chính quy ngành Thông tin-Thư viện .- H.: ĐHKHXH&NV, 2007, 150 tr. ***Học liệu tham khảo:*** 5. Burkhard, Joanna M., McDonald, Mary C., and Rathermacher, Andeé J. Creating a comprehensive information literacy plan: a how-to-do-it manual and CD-ROM for librarians .- New York: Neal-Schuman, 2005, 174 pp 6.Ngành Thông tin - Thư viện, thời cơ, thách thức và triển vọng: Kỷ yếu Hội thảo chào mừng 10 năm trở thành đơn vị đào tạo độc lập trực thuộc trường và 33 năm truyền thống đào tạo ngành thông tin-thư viện

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				của Khoa Thông tin-Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN. - H.: ĐHQGHN, 2006
23.	LIT1053	Viết học thuật	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Alice Oshima & Ann Hogue, *Writing Academic English (3rd edition)*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2006. 2. Umberto Eco (Vân Anh dịch), *Luận văn*, NXB Lao động, Hà Nội, 2010 3. Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2011.
24.	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	***Học liệu bắt buộc :*** 1. Tom Kelly, David Kelly*, Tự tin sáng tạo*, Hồng Hải dịch, NXB Lao động, Hà Nội, 2016. 2. Bill Burnett, Dave Evans, *Thiết kế một cuộc đời đáng sống*, Thạch Thảo dịch, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019. ***Học liệu tham khảo:*** 3. Shozo Hibino, Gerald Nadler, *Tư duy đột phá*, Vương Long, Phương Trà dịch, Phạm Xuân Mai hiệu đính, NXB. Trẻ, Hà Nội, 2013. 4. Những bài viết được giảng viên cập nhật theo từng năm học.
25.	ITS1051	Hội nhập Quốc tế và phát triển	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Hoàng Khắc Nam, *Hợp tác và hội nhập quốc tế: Lý luận và Thực tiễn*, Nxb Thế giới, Hà Nội 2017

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				2..Bùi Thanh Sơn (chủ biên), *Hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2015 3..Phạm Quang Minh, *Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội 2016 4. Desai, Vandana and Robert B. Potter, The Companion to Development Studies (3Ed), Routledge, London and New York 2014 (Bản dịch thực hiện bởi cán bộ Khoa Quốc tế học). 5. Haslam, Paul A., Jessica Schafer and Pierre Beaudet, Introduction to International Development: Approaches, Actors, Issues, and Practice (3Ed), Oxford University Press, Canada 2017. ***Học liệu tham khảo:*** 6..Hoàng Khắc Nam, Giáo trình Nhập môn Quan hệ quốc tế, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội 2016 7..Ernst B. Haas, The Study of Regional Integration", in Paul R. Viotti & Mark V. Kauppi, International Relations Theory, Macmillan Publishing Company, New York 1993 8. Robert Keohan, After Hegemony, Princeton University Press, Princeton 1984 9. Robert O. Keohane and Joseph S. Nye, "Interdependence and Integration", in Paul R. Viotti & Mark V. Kauppi, International Relations Theory, Macmillan Publishing Company, New York 1993 10. Conway W. Henderson, Quan hệ quốc tế bước vào thế kỷ XXI –

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Xung đột và Hợp tác, Khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXH&NV, Hà Nội 2000 11. Bjorn Hettne & Bertil Odén, Global Governance in the 21st Century: Alternative Perspectives on World Order, EGDI, Stockholm 2002. 12. Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ, Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam, Hà Nội 2016. 13. Trường ĐHKHXH&NV, *Việt Nam sau 30 năm đổi mới*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội 2017. 14. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thực hiện phát triển bền vững ở Việt Nam, Báo cáo quốc gia tại Hội nghị cấp cao của Liên hợp quốc về Phát triển bền vững (RIO+20), [http://va21.gov.vn/Portals/0/va21/30342_Rio_NationalReportVNM_VN.pdf]. 15. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo phát triển Việt Nam thường niên, [documents.worldbank.org].
26.	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Đinh Xuân Lý, Giáo trình hệ thống chính trị Việt Nam, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. 2. Đinh Xuân Lý: Hệ thống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử - Lý luận và thực tiễn, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.2019. 3. Vũ Minh Giang (Chủ biên): *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ Đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, H.2008. 4. Lê Minh Thông: *Cơ sở lý luận về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.2007. 5. Quan điểm, nguyên tắc và giải pháp đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, H.2008. ***Học liệu tham khảo:*** 6. GS. TS. Nguyễn Văn Huyên (Chủ biên): *Hệ thống chính trị Anh, Pháp, Mỹ (Mô hình tổ chức và hoạt động),* Nxb Lý luận chính trị, H.2007. 7. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, H.2014. 8. Đinh Xuân Lý: *Những điểm mới trong Hiến pháp năm 2013 về nhà nước pháp quyền ở Việt Nam,* Lý luận chính trị, số 6/2015. 9. Đinh Xuân Lý: *Xây dựng hệ thống chính trị theo quan điểm Đại hội XII của Đảng,* Lý luận chính trị, số 6/2016. 10. Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và các Hiến pháp Việt Nam (1946,1959,1980,1992), Nxb Chính trị quốc gia, H.2006 11. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên): *Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn n-ước ta hiện nay.* Nxb. Chính trị quốc gia, H.2004. 12. Nguyễn Văn Huyên: *Đảng Cộng sản cầm quyền: Nội dung và*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				phương thức cầm quyền của Đảng, Nxb. Chính trị Quốc gia, H.2010. 13. Dương Xuân Ngọc (chủ biên): *Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cấp xã ở nước ta hiện nay*. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1998. 14. Nguyễn Duy Qúy, Nguyễn Tất Viễn: *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân: lý luận và thực tiễn.* Nxb. Chính trị Quốc gia, H.2010. 15. Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương: *Vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát triển xã hội và quản lý xã hội,* Nxb. Chính trị Quốc gia, H.2010.
27.	SEA1103	Tiếng Anh nâng cao 1	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Martin Hewings, Simon Haines, *Grammar and vocabulary for advanced*, Cambridge University Press, 2015. 2. Guy Brook-Hart and Vanessa Jakeman, *Complete IELTS, Bands 4-5,* Cambridge University Press, 2012 3. Tài liệu được cập nhật bởi giảng viên ***Học liệu tham khảo:*** 4. Jack C. Richards, *Basic Tactics for Listening*, Oxford University Press, 2003. 5. 14.3. Jack C. Richards, *Developing Tactics for Listening,* Oxford University Press, 2003. 6. Jack C. Richards, *Expanding Tactics for Listening,* Oxford University

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Press, 2003. 7. Miles Craven, *Listening and Speaking* (in 4 Vols.), Cambridge University Press.
28.	SEA1104	Tiếng Anh nâng cao 2	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Guy Brook Hart and Vanessa Jakeman (2012), Complete IELTS (Bands 5-6.5), Cambridge University Press, 180 pages. ***Học liệu tham khảo***: 2. IELTS 9, Cambridge University Press, 165 pages. 3. IELTS 10, Cambridge University Press, 158 pages.
29.	MNS1054	Khởi nghiệp	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Vũ Thị Cẩm Thanh, Hoàng Thị Hải Yến, Trương Thu Hà (2022), *Bài giảng Khởi nghiệp,* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tại thư viện Khoa Khoa học quản lý ***Học liệu tự chọn*** 2. Bộ Khoa học và Công nghệ, *Những kiến thức cơ bản về đổi mới*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2012 3. Allan Afual, *Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012 4. Eric Ries, *Khởi nghiệp tinh gọn*, Dương Hiếu, Kim Phượng & Hiếu Trung dịch, NXB Thời Đại, 2018 5. Nguyễn Đặng Tuấn Minh, *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – Tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ, 2017

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				6.Nguyễn Ngọc Huyền, *Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp*, NXB đại học kinh tế quốc dân, 2012 7. Donald F. Kuratko, *Entrepreneurship: Theory, Process, and Practice,* Cengage Learning, 2016 8. Clayton M. Christensen, *The Innovator's Dilemma: When New Technologies Cause Great Firms to Fail (Management of Innovation and Change) Paperback*, Havard Business Scholl Press, 2016 9. Steve Blank và Bob Dorf, *The Startup Owner's Manual: The Step-By-Step Guide for Building a Great Company Hardcover*, https://www.amazon.com/Startup-Owners-Manual-Step-Step/dp/0984999302#detailBullets_feature_div, 2012
30.	SEA4001	Niên luận	2	Giảng viên hướng dẫn cung cấp
31.	SEA1105	Lịch sử, văn hóa và tư tưởng phương Đông	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Lê Đình Chỉnh, Tập bài giảng Lịch sử phương Đông, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. 2. Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Trần Văn La (2005), Lịch sử thế giới trung đại (Phần phương Đông), NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005. 3. Mai Ngọc Chừ (Chủ biên) (2006), Bài giảng văn hóa phương Đông, Hà Nội. ***Học liệu tham khảo:*** 4. Đỗ Thanh Bình (2006), Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				XX- một cách tiếp cận, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. 5. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (1997), Đại cương Lịch sử thế giới cận đại (tập II), NXB Giáo dục. 6. Nguyễn Anh Thái (chủ biên) (2001), Lịch sử thế giới hiện đại: 1917 - 1995, NXB Giáo dục, Hà Nội. 7. Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1996), Đại cương văn hóa phương Đông, NXB Giáo dục, Hà Nội. 8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), Lịch sử triết học - Giáo trình dùng cho các trường Đại học và cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục.
32.	SEA1106	Kinh tế Đông Á	3	*Học liệu bắt buộc :* 1. Nguyễn Hà Phương. 2022. *Bài giảng "Sự phát triển của kinh tế Đông Á",* Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. *Học liệu tham khảo;* 2. David Begg, Stanley Fischer, and Rudiger Dornbusch.2007. *Kinh tế học* (Tái bản lần thứ 8), Bản dịch của Nhà Xuất bản Thống kê. 3. Michael P. Todaro và Stephen C. Smith. 2015. *Economic development (12th Edition)*. 4. Krugman P.R and Obstfeld. 2017. *International Economics: Theory and Policy*, Eleventh Edition, Pearson Addison Wesley. 5. Janet Henry and James Pomeroy. 2018. *The World in 2030 Our long-term projections for 75 countries,* HSBC Global Research, London, E14 5HQ, United Kingdom.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				6. IMF, *World Economic Outlook* *https://www.imf.org/en/Publications/WEO* 7. VCCI, Hồ sơ thị trường *https://www.vcci.com.vn/thi-truong* 8. ASEAN Economic Community Blueprint 2015 9. ASEAN Economic Community Blueprint 2025 10. Yeo, A. 2012. *China, Japan, South Korea Trilateral Cooperation: Implications for Northeast Asian Politics and Order*, EAI 이슈브리핑, pp 1-6. 11. 1999 Joint Statement on East Asian Cooperation 12. Dương Minh Tuấn. 2007. *Mô hình đàn nhạn bay-học thuyết chiến lược trong yếu của Nhật Bản trong hợp tác kinh tế vùng Đông Á*, Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 10 (80). 13. Trang web East Asia forum https://www.eastasiaforum.org/about/ 14. Trang Web Greater Mekong Subregion https://greatermekong.org/ 15. Trang Web RCEP, https://rcepsec.org/
33.	ITS1104	Khu vực học đại cương	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Lương Văn Kế: Nhập môn khu vực học. Giáo trình. NXB ĐHQG HN, 2011. 2. Lương Văn Kế: Văn hoá Châu Âu. Lịch sử. Thành tựu. Hệ giá trị. NXB Giáo dục VN. Hà Nội. 2010 3. Lương Văn Kế: Văn hoá Bắc Mỹ trong toàn cầu hoá. NXB Giáo dục

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				VN. Hà Nội. 2011. 4. Fernand Braudel: Tìm hiểu các nền văn minh trên thế giới. Người dịch: Trần Hương Liên – Hoàng Việt. NXB KHXH. Hà Nội. 2004. 5. George Condominas: Không gian xã hội vùng Đông Nam Á. Người dịch: Ngọc Hà, Thanh Hằng. NXB Văn hoá. Hà Nội. 1996. ***Học liệu tham khảo:*** 6. Tadao Umesao: Lịch sử nhìn từ quan điểm sinh thái học. Người dịch: Nguyễn Đức Thành, Bùi Anh Tuấn. NXB Thế giới. Hà Nội. 2007. 7. Nguyễn Văn Huyên (chủ biên): Hệ thống chính trị Anh, Pháp Mỹ. NXB Lý luận chính trị. Hà Nội. 2007. 8. Đỗ Tiến Sâm (chủ biên): Sự phát triển văn hoá và con người ở một số nước và vùng lãnh thổ Đông Á. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội. 2012. 9. Bernard Lewis: Lịch sử Trung Đông. Nguyễn Thọ Nhân dịch. NXB Tri thức. Hà Nội. 2008. 10. Claude Lévi-Strauss: Nhiệt đới buồn. Người dịch: Ngô Bình Lâm. NXB Tri thức. Hà Nội. 2009. 11. Hà Mỹ Hương: Nước Nga hậu Xô viết. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội. 2009. 12. Các tạp chí chuyên ngành: Nghiên cứu Châu Âu, Nghiên cứu Đông Nam Á, Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông, Nghiên cứu Đông Bắc Á, Nghiên cứu Đông Nam Á, Châu Mỹ ngày nay, Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
34.	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011). Thư viện Thượng Đình, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội; Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN:https://bookworm.vnu.edu.vn/Collection.aspx?cID=2&id=3258&pIdx=1&vt=list. 2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định. Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN. ***Học liệu tham khảo*** 3. Phạm Thành Hưng. Thuật ngữ báo chí - truyền thông. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN. 4. Nguyễn Thị Trường Giang (Chủ biên). Giáo trình lịch sử báo chí Việt Nam (tập 1). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN. 5. John Hartley. Communication, cultural and media studies: the key concepts (5th ed.). Routledge, 2019. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.
35.	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2014), Quan hệ công chúng lý luận và thực tiễn, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Học liệu tham khảo: 2. Seitel, Fraser P. (2017), The Practice of Public Relations, Pearson.
36.	ITS1100	Nhập môn Quan hệ quốc tế	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Hoàng Khắc Nam, *Giáo trình Nhập môn Quan hệ quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội 2016 ***Học liệu tham khảo:*** 2.Hoàng Khắc Nam, *Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2014 3. Hoàng Khắc Nam chủ biên, *Lý thuyết quan hệ quốc tế*, Nxb Thế giới, Hà Nội 2017 4. Hoàng Khắc Nam, *Quyền lực trong quan hệ quốc tế: Lịch sử và Vấn đề*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội 2011 5. Hoàng Khắc Nam, *Hợp tác và hội nhập quốc tế: Lý luận và Thực tiễn*, Nxb Thế giới, Hà Nội 2017 6. Paul R. Vioti & Mark V, Kauppi, *Lý luận Quan hệ quốc tế*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội 2001 7. Conway W. Henderson, *Quan hệ quốc tế bước vào thế kỷ XXI – Xung đột và Hợp tác*, Khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXH&NV, Hà Nội 2000 8. Joshua S. Goldstein, *International Relations*, Longman, New York 1999
37.	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	***Học liệu bắt buộc***

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				1. Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long, Vũ Hương Lan và cộng sự, *Nhập môn du lịch,* Nxb ĐHQGHN, 2022 2. Robert W. Wyllie. *An introduction to tourism*. Venture Publishing, Inc, 2011. ***Học liệu tham khảo*** 3. Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Sinh (đồng chủ biên), Ngô Trung Hà, Lê Thị Hồng, Phạm Thị Hương Giang. *Giáo trình tổng quan du lịch*. Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015. 4. Trần Thị Mai (chủ biên) Vũ Hoà Phương, La Phương Anh, Nguyễn Khắc Toàn. *Giáo trình tổng quan du lịch*. Nxb Lao động-Xã hội, 2008. 5. Trần Văn Thông. *Tổng quan du lịch*. Nxb ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh, 2006 6. Goeldner, Charles R. Brent Ritchie J.R. *Tourism: principles, practices, philosophies* 12th ed Published by John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey, 2012
38.	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Giáo trình "Lý luận về quản trị văn phòng", Vũ Thị Phụng (chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Hà nội, 2021; 2. Nguyễn Hữu Tri. Quản trị văn phòng, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2005. Tư liệu Khoa LTH&QTVP ***Học liệu tham khảo:*** 3. Nguyễn Thành Độ (Chủ biên). Quản trị văn phòng. NXB Đại học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2012. Thư viện ĐHQG Hà Nội 4. Vương Thị Kim Thanh. Quản trị hành chính văn phòng. NXB Thống kê, Hà Nội, 2009 (tái bản). Thư viện ĐHQG Hà Nội
39.	ANT1100	Nhân học đại cương	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Emily Schultz and Robert Lavenda (Phan Ngọc Chiến, Hồ Liên Biện dịch). *Nhân học: Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2001. 2. Nguyễn Văn Sửu (chủ biên). *Nhân học: ngành khoa học về con người*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. 3. Nguyễn Văn Chính. "Cấu trúc trọng nam trong gia đình và tập quán sinh đẻ của người Việt", *Tạp chí Xã hội học*, số 3&4, 1999, tr. 85-96. 4. Nguyễn Văn Chính. "Cải đạo và thích ứng và biến đổi văn hóa: Trường hợp người H'mong Tin lành, tỉnh Lào Cai", *Tạp chí Nhân học & Bảo tàng*, số 2, 2018, tr.3-18. 5. Vương Xuân Tình. "Chủng tộc và tộc người ở trên thế giới và Việt Nam". *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 5, 2018, tr. 1-13, 6. Vương Xuân Tình, Vương Ngọc Thi. "Trường phái Xô-viết và công tác xác định thành phần tộc người ở Việt Nam". Trong: Nguyễn Văn Sửu (Chủ biên), *Ảnh hưởng của Trường phái Xô-viết trong Nhân học ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, tr. 78-94. 7. Nguyễn Thu Hương. "Nhân học về giới ở Việt Nam từ khi Đổi mới". Trong: Nguyễn Văn Sửu, Nguyễn Văn Huy, Lâm Bá Nam, Vương Xuân

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Tình (đồng chủ biên), *Nhân học ở Việt Nam, Một số vấn đề lịch sử, nghiên cứu và đào tạo,* Nxb Tri thức, Hà Nội, 2016, tr. 227-242. 8. Nguyễn Văn Sửu. "Bài giảng Nhân học đại cương". Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. ***Học liệu tham khảo*** 9. Nguyễn Khắc Cảnh, Đặng Thị Kim Oanh, *Nhân học về dòng họ, thân tộc, hôn nhân & gia đình*, Nxb ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2016. 10. Grant Evans (chủ biên), *Bức khảm văn hóa châu Á: Tiếp cận nhân học,* Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2001. 11. Nguyễn Văn Sửu, Nguyễn Văn Huy, Lâm Bá Nam, Vương Xuân Tình (đồng chủ biên), *Nhân học ở Việt Nam: Một số vấn đề lịch sử, nghiên cứu và đào tạo*. Nxb Tri Thức, 2016. 12. Nguyễn Văn Sửu. "Quan điểm Nhân học." *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr.97-106.
40	ITS1151	Luật quốc tế	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. ThS. Ngô Hữu Phước, *Giáo trình Luật quốc tế*, Khoa Luật Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2010 2. Luật Ký kết, gia nhập Điều ước quốc tế của Việt Nam ngày 16 tháng 4 năm 2005 3. Trường ĐH Luật Hà Nội (2018), "Giáo trình Luật Quốc tế", Nxb Tư pháp.

Comment [WU1]: Đánh lại số thứ tự

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				4. Trường ĐH Luật Hà Nội (2018), "Giáo trình Tư pháp Quốc tế", Nxb Tư pháp. ***Học liệu tham khảo*** 5. Nguyễn Hồng Thao, *Giáo trình chuyên khảo về Luật biển quốc tế*, tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ của Đại học Huế, Trung tâm đào tạo từ xa, 1997. 6. Ban Biên giới, Bộ Ngoại giao, *Giới thiệu một số vấn đề cơ bản của Luật Biển ở Việt Nam,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004 7. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Báo cáo về việc tham gia Công ước Viên năm 1969 về Luật Điều ước quốc tế*, Hà Nội, tháng 4/2001. 8. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Hiện trạng thực hiện Công ước của Liên hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 tại Việt Nam,* Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội 9. Nguyễn Xuân Yêm, *Dẫn độ tội phạm, tương trợ tư pháp hình sự và chuyển giao phạm nhân quốc tế trong phòng chống tội phạm,* sách tham khảo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001. 10. Đoàn Năng, "Một số vấn đề lý luận cơ bản về tư pháp quốc tế" Nxb CTQG, Hà Nội 2001.
41	SEA1150	Nhập môn Đông Nam Á học	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Berglee, Royal. 2012. *"*Chapter 8: North Africa and Southwest Asia*", World Regional Geography: People, Places and Globalization,* Duraspace.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				http://lib.hpu.edu.vn/handle/123456789/21589 2. Coedes, G.E. 2011. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông* (bản dịch, dịch giả Nguyễn Thừa Hủy). NXB Thế giới: Hà Nội. 3. Huotari, Mikko and Jürgen Rüland and Judith Schlehe. 2014. *Methodology and Research Practice in Southeast Asian Studies*, PALGRAVE MACMILLAN. ***Học liệu tham khảo:*** 4. Park Seung Woo and Victor. J. King, 2013. *The Historical Construction of Southeast Asian Studies: Korrea and Beyond.* Published by ISEAS, Singapore. 5. Halib, Mohammed and Huxley, Tim. 2010. *An Introduction to Southeast Asian Studies*. Published online by Cambridge University Press: 26 March 2010. (London: I. B. Tauris. Distributed by St. Martin's Press, 1998. ix, 254 pp.). 6. Reynolds, J.C. 1998. *Southeast Asian Studies: Reorientations.* Frank H. Goley Memorial Lectures 2 &3. New York: Cornell University, 1998. 7. Pepinsky, T.B. 2015. *Disciplining Southeast Asian Studies*. Pasir Panjang Institute of Southast Asian: Singapore. 8. Evers, Hans – Dieter. 2001. *Contemporary Southeast Asian Studies: An outline.* 9. Steinberg, David J., David K. Wyatt, John R. W. Smail, Alexander Woodside, William R. Roff, and David P. Chandler. 1971. *In Search of*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Southeast Asia: A Modern History. New York: Prager, xii, 522. 10. Hall, D.G.E. 1997. *Lịch sử ĐôngNam Á*. NXB Chính trị Quốc gia. 11. Phạm Đức Dương. 1983. *Đông Nam Á học Việt Nam: Đối tượng và phương pháp tiếp cận*. NXB: Hà Nội. 12. Yoko, Hayami. 2016. *Nghiên cứu Đông Nam Á ở Nhật Bản* (2016), (Southeast Asian studies in Japan). Bùi Thế Cường dịch. Trong *Khoa học Xã hội* . 2016: số 6 (144), tr. 74-79. 13. Woo, Park Seung. 2016. *Sự phát triển của nghiên cứu Đông Nam Á ở Hàn Quốc (Development of Southeast Asian Studies in the Republic of Korea)*. Bùi Thế Cường dịch. Trong *Khoa học Xã hội*. 2016: số 6 (214), tr. 80-82. 14. Kasetsiri, Charnvit. 2016. "*Nghiên cứu Đông Nam Á ở Thái Lan" (Southeast Asian Studies in Thailand)*. Bùi Thế Cường dịch. Trong *Khoa học Xã hội*. 2016: số 7 (215), tr. 75-79. 15. Feerner, R. Michael. 2016. *Nghiên cứu Đông Nam Á ở Đông Nam Á: Một cái nhìn từ Singapore (Southeast Asian Studies in Southeast Asia: A View from Singapore.* Bùi Thế Cường dịch. Trong *Khoa học Xã hội*. 2016: số 7 (215), tr. 80-83.
42	SEA1151	Lịch sử Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Lương Ninh (cb), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh. 2015. *Đông Nam Á – Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Học liệu tham khảo: 2. Ricklefs, M.C. (ed), Bruce Lockhart, Albert Lau, Portia Reyes, Maitrii Aung-Thwin. 2010. *A New History of Southeast Asia*, Published by PALGRAVE MACMILLAN. 3. Clive J. Christie. 2000. *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 4. Hall, D.G.E. 1997. *Lịch sử ĐôngNam Á*, NXB Chính trị Quốc gia. 5. Hall, Kenneth R. 2019. *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*. University of Hawai'i Press. 6. Hồ Thị Thành. 2018. *Indonesia trên con đường quá độ đến dân chủ.* NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
43	SEA2000	Văn hóa Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Mai Ngọc Chừ. 1999. *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB ĐHQG Hà Nội. 2. Dương Văn Huy, Ngô Hải Ninh (đồng chủ biên). 2021. Nguyễn Thị Thùy Dương, *Giáo trình Văn hóa các nước Đông Nam Á,* Nxb ĐHQGHN. ***Học liệu tham khảo*** 3. Niels Mulder. 2015. *Những thay đổi trong văn hóa & tôn giáo của Đông Nam Á*, Nxb Hồng Đức. 4. Trương Sĩ Hùng. 2017. *Bốn tôn giáo lớn ở Đông Nam Á*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội,. 5. A. K. M. Ahsan Ullah & Hannah Ming Yit Ho. 2020. *Globalization*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				and Culture in Southeast Asia: Demise, Fragmentation, Transformation. Tạp chí Global Society, số 35 (2), 2021. https://www.researchgate.net/publication/341701723_Globalisation_and_Cultures_in_Southeast_Asia_Demise_Fragmentation_Transformation
44	SEA1154	Thể chế chính trị các nước Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Trần Điệp Thành. 2022. Bài giảng Thể chế chính trị các nước Đông Nam Á, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tháng 6 năm 2022 (Tư liệu Khoa Đông phương học). 2. *Hiến pháp CHXHCN Việt Nam năm 2013*, Cơ sở Dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp: http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=28814 ***Học liệu tham khảo:*** 3. Hiến pháp Brunei: https://www.constituteproject.org/constitution/Brunei_2006.pdf?lang=en 4. Hiến pháp Cambodia: https://constitutions.unwomen.org/en/countries/asia/cambodia 5. Hiến pháp Indonesia: https://www.constituteproject.org/constitution/Indonesia_2002.pdf?lang=en 6. Hiến pháp Lào: https://www.constituteproject.org/constitution/Laos_2015.pdf?lang=en

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				7. Hiến pháp Myanmar: https://publicofficialsfinancialdisclosure.worldbank.org/sites/fdl/files/assets/law-library-files/Malaysia_Constitution_1957_EN.pdf 8. Hiến pháp Philippnes: https://www.officialgazette.gov.ph/constitutions/1987-constitution/ 9. Hiến pháp Singapore: https://www.constituteproject.org/constitution/Singapore_2016.pdf?lang=en 10. Hiến pháp Timo-Leste: https://www.constituteproject.org/constitution/East_Timor_2002.pdf?lang=en 11.Hiến pháp Thailand: https://www.constituteproject.org/constitution/Thailand_2017.pdf?lang=en 12. Hiến pháp Liên bang Malaysia: https://publicofficialsfinancialdisclosure.worldbank.org/sites/fdl/files/assets/law-library-files/Malaysia_Constitution_1957_EN.pdf
45.	SEA3027	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc*:** 1. Hoàng Khắc Nam (cb). 2017. *Lý thuyết Quan hệ Quốc tế.* NXB Thế giới. Hà Nội, 2017. 2. Lương Ninh (cb), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh. 2015. *Đông Nam Á – Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				***Học liệu tham khảo*:** 3. Võ Xuân Vinh. 2022. *ASEAN- Ưu tiên trong chính sách của các nước lớn*. Tạp chí Cộng sản online, ngày 12/5/2022. 4. Lê Lêna. 2018. *Vai trò của ASEAN trong hợp tác an ninh- chính trị ở Đông Á từ góc nhìn của lý thuyết phân tích mạng lưới xã hội*, Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 5. Hoàng Thị Tuấn Oanh, Nguyễn Quỳnh Trang. 2021. *Quan hệ ASEAN-Trung Quốc: 30 năm nhìn lại và hướng tới*. Tạp chí Cộng sản. Số 7/2021, tr. 105-111. 6. Võ Xuân Vinh. 2013. *ASEAN trong Chính sách Hướng Đông của Ấn Độ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội. 7. Luận Thùy Dương. 2022. *Bốn mươi lăm năm quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - ASEAN và định hướng phát triển trong thời gian tới,* Tạp chí Cộng sản Online, ngày 15/8/2022. 8. Võ Xuân Vinh (cb). 2021. *Quan hệ Australia-ASEAN hai thập niên đầu thế kỷ XXI*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội. 9. Nguyễn Duy Dũng. 2022. *Triển vọng Quan hệ Nhật Bản-ASEAN đến năm 2025*, Tạp chí Cộng sản Online, ngày 30/3/2022. 10. Nguyễn Trần Tiến. 2020. *South Korean Cultural Diplomacy and the Enhancement of Soft-Power: A Case study of South Korean Cultural Diplomacy towards ASEAN*. NXB. Social Sciences Publishing House. 11. Lê Đình Chỉnh (chủ biên), Nguyễn Trần Tiến, Lê Hải Nam. 2020.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Campuchia (1930 - 2020). Hà Nội: NXB Thông tin và Truyền thông. 12. Congressional Research Service. 2021. *U.S.-China Strategic Competition in South and East China Seas: Background and Issues for Congress.* https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R42784/134 13. Lê Hải Bình, 2018. *Cooperation Mechanisms in the Mekong Region and Vietnam's participation*. Tạp chí Cộng sản- Communist Review. https://tapchicongsan.org.vn/web/english/international/detail/-/asset_publisher/ZeaSwtFJtMgN/content/cooperation-mechanisms-in-the-mekong-region-and-vietnam-s-participation
46	SEA3028	Biển Đông và sông Mekong ở Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Osborne, Milton. 2000. *The Mekong: Turbulent Past, Uncertain Future, Grove Press*. 2. Peter Boomgaard. 2007. *A World of Water: Rain, Rivers and Seas in Southeast Asian Histories*, National University of Singapore Press. https://brill.com/edcollbook-oa/title/23081?language=en 3. Nguyễn Ngọc Trường. 2014. *Về vấn đề Biển Đông*, Hà Nội: NXB. Chính trị Quốc gia. ***Học liệu tham khảo:*** 4. Trần Công Trục (cb). 2016. *Philippines kiện Trung Quốc về tranh chấp Biển Đông: các sự kiện và phân tích pháp lý*, Hà Nội: Nxb. Thông tin và truyền thông.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				5. Phạm Cao Cường (cb). 2019. *Chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ trong bối cảnh mới*, Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội. 6. USAID. 2013. *Lower Mekong Initiative: Agriculture and Food Security Pillar*. 7. USAID. 2013. *Lower Mekong Initiative: Energy Security Pillar*. 8. USAID. 2013. *Lower Mekong Initiative: Environment and Water Pillar*. 9. European Parliament. 2019. *The Mekong River: geopolitics over development, hydropower and the environment.* November 2019. 10. USAID. 2021. *Sáng kiến Hạ lưu sông Mekong*.
47	SEA1155	Các dân tộc ở Đông Nam Á		***Học liệu bắt buộc:*** 1. Keyes, Charles. 2022. *Văn hóa, tộc người và tôn giáo ở Đông Nam Á*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Evans, Grant (cb). 2021. *Bức khảm văn hóa châu Á. Tiếp cận Nhân học*. Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội. 3. Dương Văn Huy. 2021. *Tác động của đa dạng tôn giáo, tộc người ở Đông Nam Á đối với cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN* (Dương Văn huy chủ biên), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội. 4. Nguyễn Duy Thiệu. 2019. *Các dân tộc ở Đông Nam Á*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. 5. Aurel Croissant / Christoph Trinn, *Culture, Identity and Conflict in*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Asia and Southeast Asia Bertelsmann Stiftung. https://www.bertelsmann-stiftung.de/fileadmin/files/BSt/Presse/imported/downloads/xcms_bst_dms_26529_26530_2.pdf 6. Nguyễn Đức Hiệp. 2008. *Nguồn gốc các dân tộc ở Đông Nam Á*. Nguồn: http://diendan.lyhocdongphuong.org.vn/bai-viet/1136-nguon-goc-cac-dan-toc-o-dong-nam-a/ 7. Jose Mikhail PEREZ, 2021. *The Philippines: The Challenges of Moro and Lumad Power-sharing in the Bangsamoro* . DOI: 10.24193/csq.35.5 Published First Online: 05 April /2021 https://pdfs.semanticscholar.org/de30/a60116f0fc91dfc5c01103f900318cd2c82a.pdf
48	ARO1161	Tổ chức văn phòng	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Vũ Thị Phụng (chủ biên): Lý luận Quản trị văn phòng, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019. 2. Nguyễn Hữu Tri: Lý thuyết tổ chức, Nhà xuất bản (NXB) Chính trị Quốc gia, 2013. ***Học liệu tham khảo:*** 3. Zane K. Quible: Administrative Office Management (8th Edition), Prentice Hall – 2004, ISBN-10: 0131245104, ISBN-13: 978-0131245105 4. PGS. TS. Nguyễn Hữu Tri: Quản trị văn phòng, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2005. 5. GS. TS. Đồng Thị Thanh Phương, Ths. Nguyễn Thị Ngọc An: Quản

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				trị hành chánh văn phòng, NXB Thống Kê, Tp. Hồ Chí Minh, 2009.
49	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. TS. Trần Kim Dung, *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2005. Tư liệu Khoa Lưu trữ học và QTVP 2. Nguyễn Hữu Thân, *Quản trị nhân sự*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2001. Trung tâm TT - Thư viện ĐHQG Hà Nội ***Học liệu tham khảo:*** 3. Trường ĐH Kinh tế quốc dân, *Quản trị nhân lực*, NXB LĐXH, HN, 2005. Trung tâm TT - Thư viện ĐHQG Hà Nội
50	TOU1150	Văn hóa du lịch	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Nguyễn Phạm Hùng, *Văn hóa du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. ***Học liệu tham khảo*** 2. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*. Nxb.TP.Hồ Chí Minh, 1992 3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Di sản văn hóa, Số28/2021/QH10*, 2009. 4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Du lịch*, Luật số: 09/2017/QH14, 2017. 5. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Di sản văn hóa, Số28/2021/QH10*, 2021. 6. Trần Quốc Vượng, C*ơ sở văn hoá Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội,

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				1998.
51	TOU1151	Marketing du lịch	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Nguyễn Văn Mạnh – chủ biên, *Giáo trình Marketing du lịch.* Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008. 2. Trần Ngọc Nam - Trần Huy Khang, *Marketing du lịch.* Nxb TP Hồ Chí Minh, 2004. 3. Morrison, A.M, *Hospitality and travel marketing*, 3rd ed. Albany, NY: Delmar Thomson Learning, 2002. ***Học liệu tham khảo*** 5. Trần Minh Đạo - chủ biên, *Giáo trình Marketing căn bản*. Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, 2006. 6. Nguyễn Đình Thọ - Nguyễn Thị Mai Trang, *Nguyên lý Marketing*, Nxb Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2003. 7. Philip Kotler, *Marketing căn bản*, Nxb Thống kê (Sách dịch), 1997. 8. Philip Kotler, *Quản trị Marketing.* Nxb Thống kê (Sách dịch), 1997. T5. Coltman Michael M, *Tiếp thị du lịch*, CMIE. Group và Trung tâm dịch vụ Đầu tư và ứng dụng khoa học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (Sách dịch), 1991. 9. George E. Belch & Michael A. Belch, *Advertising and Promotion*. The McGraw-Hill Companies, Inc. Washington, 2001. 10. Kotler, P., Bowen, J., & Makens, J, *Marketing for hospitality and tourism*, 3rd ed. Upper Saddle River, NJ: Prentice-Hall, 2003.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				11.. Middleton, V.T.C., & Clarke, J, *Marketing in travel & tourism*, 3rd ed. Oxford, Butterworth-Heinemann, 2001.
52	PRS3004	Tổ chức sự kiện	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Lưu Văn Nghiêm, (chủ biên), 2009, *Tổ chức sự kiện*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Tái bản lần 1. 2. Allen, J. (chủ biên), 2002, *Festival and Special Event Management,* John Wiley & Sons Australia, Milton, Qld. 4064 3. Conway, D G (2014) Event Manager's Bible: Complete Guide to Planning and Organising a Voluntary or Public Events 4. Ruth Dowson, David Bassett (2018) Event Planning and Management: Principles, Planning and Practice, 2nd Edition ***Học liệu tham khảo:*** 5. D.G. Conway, 2009, tái bản lần 3, *Event Manager's Bible: Complete Guide to Planning and Organising a Voluntary or Public Events,* Spring Hill House, Oxford UK 6. Graham Beridge, 2007, *Events Design and Experience,* Linacre House, Jordan Hill, Oxford, UK.
53	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	***Học liệu bắt buộc***: 1. Nguyễn Kim Liên (2008), Giáo trình phát triển cộng đồng, NXB Lao động xã hội. 2. Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang (2000), *Phát triển cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng*, NXB Văn hóa thông tin.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				3. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016), Giáo trình Phương pháp nghiên cứu Xã hội học, NXB Đại học Quốc gia. ***Học liệu tham khảo:*** 4. Lê Văn An và cộng sự, sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng (2021), NXB nông nghiệp. (https://www.jica.go.jp/partner/ngo_support/japandesk/ku57pq00001xamy3-att/jd_vietnam_05_01_01.pdf) 5. Mai Thanh Cúc, Hà Đình Quyền (2019), Giáo trình phát triển cộng đồng, NXB Học viện Nông nghiệp. 6. Nguyễn Đức Vinh và cộng sự (2012), *Tài liệu tập huấn Phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng dựa vào nội lực và do người dân làm chủ*, Trung tâm trao đổi giáo dục với Việt Nam. *Nguồn để tham khảo học liệu: Trung tâm thư viện và tri thức số ĐHQG https://bookworm.vnu.edu.vn/
54.	SEA2001	Địa lý, cư dân và kinh tế Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc*:** 1. Vũ Dương Ninh (cb). 2007. *Đông Nam Á: Truyền thống và hội nhập*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội. 2. Lương Ninh (Cb), 2005. *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội. 3. Huỳnh Văn Giáp. 2003. *Địa lý Đông Nam Á- Môi trường tự nhiên và các đặc điểm Nhân văn, Kinh tế-xã hội*. Nxb ĐHQG TP Hồ Chí Minh. 4. Phan Huy Xu. 2005. *Địa lý Đông Nam Á*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				5. Lê Đình Chỉnh. 2020. *Tập bài giảng Địa lý nhân văn và kinh tế Đông Nam Á*. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. ***Học liệu tham khảo*:** 6. Ronald Hill. 2002. Southeast Asia: People, Land and Economy. Allen & Unwin. 7. Barbara A. Weightman. 2011. *Dragons and Tigers: A Geography of South, East, and Southeast Asia.* John Wiley and Sons Publisher. . 8. Lin Sien Chia. 2009. *Southeast Asia Transformed: a geography of change.* ISEAS. 9. Tongzon, Jose L. 2002. *The Economy of Southeast Asia: Before and After Crisis*, Edward Elgar Publishing.
55	SEA3010	Cộng đồng ASEAN	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Lương Ninh (cb), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh. 2015. *Đông Nam Á – Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay (Phần về ASEAN)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2. Đặng Cẩm Tú. 2021. *Gắn kết và chủ động thích ứng – Tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. ***Học liệu tham khảo*:** 3. Học viện Ngoại giao. 2010. *150 câu hỏi và đáp về ASEAN*, NXB Thế giới, Hà Nội. 4. ASEAN Secretariat. 2015. ASEAN Community Vision 2025. 5. ASEAN Secretariat. 2007. Charter of the Association of Southeast

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Asian Nations. 6. Kaur, Naginder and Ahmad, Mahyudin (Editors). 2020. *Charting a Sustainable Future of ASEAN in Business and Social Sciences* (Proceedings of the 3rd International Conference on the Future of ASEAN (ICoFA) 2019, Volume 1. Springer. 7. Kikkawa, Aiko and Suan, Eric B. 2019. *Skilled Labor Mobility and Migration.* Edward Elgar Publishing. 8. Nasir, P.E., Jamilah, M. and Halim, Abdul. (2019). *Proceedings of the 1st International Conference on ASEAN (IC-ASEAN): "Towards a Better ASEAN"*. September 5-6, 2019. Padang (Indonesia). 9. The Myanmar Coup and the role of ASEAN https://www.researchgate.net/publication/358207845_THE_MYANMAR_COUP_AND_THE_ROLE_OF_ASEAN 10. Ho Thi Thanh. 2023. "Environmental Policy in Indonesia from the Post-New Order Era to the Present: Positive Adjustments and Limitations". *Media, Politics and Environment - Analyzing Experiences from Europe and Asia*. Springer Nature Switzerland AG. 11. Koichi Ishikawa. 2021. "The ASEAN Economic Community and ASEAN economic integration". *Journal of Contemporary East Asia Studies* . Volume 10, 2021 - Issue 1: ASEAN Economic Community (AEC) and East Asia in the Changing World Economy. https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/24761028.2021.1891702

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				12. ASEAN.org. 2023. *ASEAN charts course for a sustainable future with ambitious ASEAN Strategy for Carbon Neutrality*. https://asean.org/asean-charts-course-for-a-sustainable-future-with-ambitious-asean-strategy-for-carbon-neutrality/ 13. ADB. 2022. ASEAN Education Cooperation: An Assessment of the Education Divide and Measuring the Potential Impact of Its Elimination. *https://www.adb.org/publications/asean-education-cooperation-an-assessment-of-the-education-divide-and-measuring-the-potential-impact-of-its-elimination* *14. Joshua Bernard B. Espeña & Don McLain Gill. 2020. "Indonesia and Vietnam: The Quest for ASEAN Leadership"*. Geopolitical Monitor. *https://www.geopoliticalmonitor.com/indonesia-and-vietnam-the-quest-for-asean-leadership/* 15. Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Anh Thu. 2015. *Hỏi đáp về Cộng đồng kinh tế ASEAN*. NXB Thông tin và truyền thông. 16. Trần Khánh. 2013. Hiện thực hóa Cộng đồng Chính trị -An ninh ASEAN: Vấn đề và triển vọng*, NXB Khoa học Xã hội.*
56	SEA1156	Tôn giáo ở Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Trần Đăng Sinh (2017), Tôn giáo học, NXB Giáo dục Việt Nam. 2. Trương Sỹ Hùng (2017), Bốn tôn giáo lớn ở Đông Nam Á, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				3. Dương Văn Huy (cb) (2020), Tác động của đa dạng tôn giáo và tộc người ở Đông Nam Á đối với cộng đồng văn hóa - xã hội Asean, NXB KHXH. 4. Niels Mulder (2015), Những thay đổi trong văn hóa và tôn giáo của Đông Nam Á, NXB Hồng Đức. ***Học liệu tham khảo*:** 5. Hoàng Tâm Xuyên (cb) (1999), Mười tôn giáo lớn trên thế giới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
57	SEA3032	Tiếng Anh chuyên ngành (Văn hóa)	3	***Học liệu bắt buộc*:** 1. O. W. Wolters. 1999. History, Culture, and Region in Southeast Asian Perspectives, SEAP Publications. ***Học liệu tham khảo*:** 2. Linell E. Cady (Editor), Sheldon W. Simon. 2006. Religion and Conflict in South and Southeast Asia: Disrupting Violence (Asian Security Studies), Routledge; 1st edition (October 18, 2006). 3. Damien Spry, 2017. Chapter "Soft power in east and south- east Asia (section overview)" in the book named The Routledge Handbook of Soft Power, Routledge
58	SEA3033	Tiếng Anh chuyên ngành (Lịch sử)	3	***Học liệu bắt buộc :*** 1. Nguyễn Trần Tiên, *Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Lịch sử Đông Nam Á* (đã nghiệm thu), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Học liệu tham khảo: 2. Charles Higham, *Hunter-Gatherers in Southeast Asia: From Prehistory to the Present*, Volume 85 Issue 1 Special Issue on Revisiting the "Negrito" Hypothesis. 3. Geography of Southeast Asia: Origins of the Culture < https://www.youtube.com/watch?v=6K0KlLkTcuw>; 4. The Amazing History of Southeast Asia < https://www.youtube.com/watch?v=EAZHaIsNiLI> 5. Ancient DNA Study Reveals Prehistory of Southeast Asia <https://www.youtube.com/watch?v=-MMFF8pIxn8> 6. Ancient Vietnam: First Humans to First Kingdoms <https://www.youtub 7. Treasures of the Champa Kingdom. (Search of the Mekong shipwreck cargo at Cape Guardfui, Somalia). < https://www.youtube.com/watch?v=zE-XL2qnQPw>. 8. Myanmar's Unifying Kingdom | The Mark Of Empire | Bagan <https://www.youtube.com/watch?v=5TxActwm9dw>. 9. Indonesia's Spice Kingdom | The Mark Of Empire | Majapahit < https://www.youtube.com/watch?v=O5P-t_o9M3Y>. 10. How Did Nutmeg Cause Wars In Indonesia? | The Spice Trail | Absolute History. < https://www.youtube.com/watch?v=bovUA3haHgk>.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				11. Connecting Empires: Shipwrecks, Ceramics, and Maritime Trade in Ninth-Century Asia <https://www.youtube.com/watch?v=sYubbgWjAmo> 12. Indianisation and Indigenisation of Southeast Asian Hindu and Buddhist Architecture < https://www.youtube.com/watch?v=dLeIPKyPHjo> . 13. "Indianisation" of South East Asia | Himanshu Prabha Ray & Andrea Acri with William Dalrymple < https://www.youtube.com/watch?v=VEeBm4U2UA4> 14. Hindu Arts in Southeast Asia [Documentary] <https://www.youtube.com/watch?v=f4fyXG-yCWA> 15. Hinduism in Southeast Asia Part 1+2 <https://www.youtube.com/watch?v=ThLJDr8p6rE> ; <https://www.youtube.com/watch?v=MUkjh9AUs9E> 16. Christianity in Southeast Asia Part 1 <https://www.youtube.com/watch?v=Nl0N7-V8yDw> . <https://www.youtube.com/watch?v=tkdf2QipmvA> 17. How Islam Came to Southeast Asia <https://www.youtube.com/watch?v=fdGM55Oo6KQ> How did Indonesia become Muslim? <https://www.youtube.com/watch?v=vf-VVg8PIOE> 18. The impact of colonial capitalism on the peasantry of Southeast Asia

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				(Source:http://era.anthropology.ac.uk/Era_Resources/Era/Peasants/se_asia_history.html) 19. Namba, Chizuru. "The French Colonization and Japanese Occupation of Indochina during the Second World War: Encounters of the French, Japanese, and Vietnamese." Cross-Currents, 2019. 20. East Asian History and Culture Review (e-journal) 32: 74–96. https://cross-currents.berkeley.edu 21. Sabina Stein, *Interreligious Tension in South and Southeast Asia*, CSS Analyses in Security Policy, 2014 Center for Security Studies (CSS), ETH Zurich; 22. Aurel Croissant / Christoph Trinn, *Culture, Identity and Conflict in Asia and Southeast Asia*, Bertelsmann Stiftung. 23. Kikue Hamayotsu, *Democracy and Religious Pluralism in Southeast Asia: Indonesia and Malaysia Compared*, Key Issues in Religion and World Affairs, BU Institute on Culture, Religion and World Affairs. 24. Prashanth Parameswaran, *Democracy in Southeast Asia: Between Discontent and Hope*, Wilson Center, Asia Programme. 25. ASEAN at 52: Achievements and Challenges Ahead By Beginda Pakpahan. Available at https://www.globalasia.org/v14no3/feature/asean-at-52-achievements-and-challenges-ahead_beginda-pakpahan

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				26. Thomas Parks, Larry Maramis, Apichai Sunchindah, Weranuch Wongwatanakul, *ASEAN as the architect for regional development cooperation advancing asean centrality & catalyzing action for sustainable development*, The Asia Foundation, 2018.
59	SEA3034	Tiếng Anh chuyên ngành (Chính trị)	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Gonzalez, Eduardo T. and Magdalena L. Mendoza, *Governance in Southeast Asia: Issues and Options*, Philippine Institute for Development Studies, https://www.jica.go.jp/jica-ri/IFIC_and_JBICI-Studies/jica-ri/publication/archives/jbic/report/paper/pdf/rp16_e07.pdf 2. Ngeow, Chow-Bing, China-Southeast Asia Relations: From the War to the "New Era", Italian Institute for International Political Studies, https://www.ispionline.it/en/pubblicazione/china-southeast-asia-relations-cold-war-new-era-24019 3. Kang, Dake, Victoria Milko and Lori Hannant. 2016. ASEAN and the Need for Consensus, The Diplomat, https://thediplomat.com 4. Emmers, Ralf and Huong Le Thu. 2020. Vietnam and the search for security leadership in ASEAN, Asian Security Vol. 17 2021 Issue 1. 5. Burke, Adam and Benjamin Lokshin. 2020. In Southeast Asia, Violent Conflicts Move Online, The Asia Foundation, https://asiafoundation.org/2020/10/28/in-southeast-asia-violent-conflicts-move-online/ 6. Rodion Ebbighausen. 2016. Terror Attacks Spotlight Growing 'IS'

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Threat in Southeast Asia, https://www.dw.com/en/terror-attacks-spotlight-growing-is-threat-in-southeast-asia/a-18538632 7. ASEAN has some of World's tightest religious controls, https://thediplomat.com/2015/03/asean-has-some-of-worlds-tightest-religious-controls/ 8. Displaced, Stranded, Unprotected: ASEAN's Migrant Workers, *https://thediplomat.com/2020/12/displaced-stranded-unprotected-aseans-migrant-workers/* 9. UNODC, Organised Crime Syndicates are Targeting Southeast Asia to Expand Operations: UNODC, https://www.unodc.org/roseap//en/2019/07/transnational-organised-crime-southeast-asia-report-launch/story.html 10. Bailey, Alex Kannegiesser. 2018. Economic, Foreign Policy and Security Challenges for Singapore, Future Directions International, https://apo.org.au/sites/default/files/resource-files/2018-12/apo-nid210196.pdf 11. Repatriation Challenge Puts Malaysia-Singapore Relations Amid COVID-19 into Focus, https://thediplomat.com/2020/04/repatriation-challenge-puts-malaysia-singapore-relations-amid-covid-19-into-focus/ 12. Cambodia and Thailand are enjoying the best of bilateral relations, Khmer times, https://www.khmertimeskh.com/50792961/cambodia-and-thailand-are-enjoying-the-best-of-bilateral-relations/

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Học liệu tham khảo: 13. Tập video do giảng viên tổng hợp và cung cấp. 14. Các trang tin tức quốc tế khác: The Diplomat: https://thediplomat.com/ Breaking News English: https://breakingnewsenglish.com/ VOA Learning English: https://learningenglish.voanews.com/ VOA News: https://www.voanews.com/ BBC Learning English: https://www.bbc.co.uk/learningenglish/ BBC News: https://www.bbc.com/news Foreign Policy: https://foreignpolicy.com/ Channel News Asia: https://www.channelnewsasia.com/news/international East Asia Forum: https://www.eastasiaforum.org/
60	SEA3035	Tiếng Anh chuyên ngành (Xã hội)	3	***Học liệu bắt buộc*:** 1. Nash, Manning. "Southeast Asian Society: Dual or Multiple." *The Journal of Asian Studies*, vol. 23, no. 3, 1964, pp. 417–23. *JSTOR*, https://doi.org/10.2307/2050760. Accessed 31 Jan. 2023. https://www.jstor.org/stable/2050760 2. Chi P. Pham, Chitra Sankaran. *Ecologies of Southeast Asian Literatures: Histories, Myths, and Societies.* Vernon Press, 2019. ***Học liệu tham khảo:*** 3. Chi P. Pham and Chitra Sankaran. *The Revenge of Gaia:*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Contemporary Vietnamese Ecofiction. Penguin 2021. 4. Raymond Murphy, *English Grammar in Use Book with Answers: A Self-Study Reference and Practice Book for Intermediate Learners of English* (5th ed.), Cambridge University Press, 2019 5. Sam McCarter & Norman Whitby, *Improve Your Skills: Writing for IELTS 4.5-6.0 Student's Book with key,* Macmillan, 2014. 6. Environmental Challenges Facing Southeast Asia (and What You Can Do to Help). Metadonetwork April 14, 2014. https://matadornetwork.com/change/6-environmental-challenges-facing-southeast/ 7. The Benefits of Advancing Workplace Gender Equality in Asia. https://www.youtube.com/watch?v=hLnbFhPrz_I&t=15s 8. Shivangi Sharma. Embrace Equity: State of Southeast Asian women workforce. HRSEA News March 8, 2023. 9. Career Zone Moga. Migration in SEA Workforce https://www.youtube.com/results?search_query=workforce+in+southeast+asia 10. Madhakomala, R. ., Hakim, M. A. ., & Syifauzzuhrah, N. (2022). *Problems of Education in Indonesia and Alternative Solutions*. *International Journal of Business, Law, and Education*, *3*(3), 135- 144. https://doi.org/10.56442/ijble.v3i3.64 11. *Social divide in Singapore?* (2013, July 26). YouTube.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				https://www.youtube.com/watch?v=eJ3p3-V991k 12. Why is Cambodia so poor: https://borgenproject.org/why-is-cambodia-poor/ 13. Ending Child Marriage in Laos https://www.savethechildren.org.au/our-stories/ending-child-marriage-in-laos 14.On rising income inequality (Singapore Summit 2014) (https://www.youtube.com/watch?v=rXDmnhgG988 15. Can ASEAN Mitigate Fake News in Southeast Asia? ASEAN focus. Feb 15 2023 https://fulcrum.sg/aseanfocus/af-can-asean-mitigate-fake-news-in-southeast-asia/ 16. Fake News and Election *https://www.youtube.com/watch?v=4BUUEUznzIk&pp=ygUbZmFrZSBuZXdzIGluIHNvdXRoZWFzdCBhc2lh* 17. Jason Thomas. Religion Lacks Freedom of Religion. June 9, 2019. https://theseanpost.com/article/asean-lacks-freedom-religion 18. Johan Fischer. Globalised Halal Markets and Middle-class Southeast Asia: The "Muslim Piety Economy".29.10.2022. https://halalfocus.net/opinion-globalised-halal-markets-and-middle-class-southeast-asia-the-muslim-piety-economy/
61	SEA3036	Tiếng Anh chuyên ngành (Kinh tế)	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Denis Wei-Yen Hew. 2007. *Brick by Brick: The building of an ASEAN*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Economic Community. Singapore: ISEAS-Yusof Ishak Institute, 2007 (e-book) 2. *Southeast Asian Affairs*, ISEAS-Yusof Ishak Institute (annual issues) ***Học liệu tham khảo:*** 3. Anthony Reid. 2015. *A history of Southeast Asia: Critical Crossroads*, Wiley Blackwell, 2015. 4. Peter Boomgaard, Ian Brown (eds.). 2001, *Weathering the Storm, The economies of Southeast Asia in the 1930 depression*, ISEAS-Yusof Ishak Institute. (e-book) 5. The rise of the Southeast Asian tigers. ISEAS-Yusof Ishak Institute. https://marketing.business-sweden.se/acton/media/28818/southeastasia 6. A Crisis waiting to happen: Unemployment and informality in Southeast Asia during Covid. https://www.rockefellerfoundation.org/blog/a-crisis-waiting-to-happen-unemployment-and-informality-in-southeast-asia-during-covid/ 7.Southeast Asia Agricultural regional report 2020. http://www.apaari.org/web/wp-content/uploads/downloads/2020/SoEA_Ag_Regional-Report-2020_web.pdf 8. Southeast Asia IPO Market Overview https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/sg/Documents/audit/sea-aud-dea-ipo-market-report-2021.pdf

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				9. Manufacturing & Sourcing in Southeast Asia: Industries, Trends, and Benefits https://www.asiaperspective.com/sourcing-manufacturing-southeast-asia/ 10. Foreign direct investment (FDI) in Southeast Asia and the challenges that go with it https://ritzherald.com/foreign-direct-investment-fdi-in-southeast-asia-and-the-challenges-that-go-with-it/ 11. In Southeast Asia, the United States needs to up its economic gamehttps://aparc.fsi.stanford.edu/southeastasia/news/southeast-asia-united-states-needs-its-economic-game 12. The future of ASEAN economic community- The effects of regional comprehensive economic partnership agreementhttps://www.policyforum.net/the-future-of-the-asean-economic-community/ 13. William Gervase Clarence-Smith, Hadhrami Arab. Entrepreneurs in Indonesia and Malaysia Facing the Challenge of the 1930s Recession in *Weathering the Storm, The economies of Southeast Asia in the 1930 depression*, Peter Boomgaard, Ian Brown (Eds.) ISEAS-Yusof Ishak Institute, 2001. 14. Southeast Asia digital economy 2025 https://aseanup.com/southeast-asia-digital-economy-2025/ 15. Halal industry poised to be nation's strategic sector, says Azmin

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				https://www.mida.gov.my/mida-news/halal-industry-poised-to-be-nations-strategic-sector-says-azmin/ 16. The economic toll of Covid-19 on Southeast Asia: Recession looms as Growth prospects dim https://www.csis.org/analysis/economic-toll-covid-19-southeast-asia-recession-looms-growth-prospects-dim 17. Southeast Asia green economy 2022 report https://www.bain.com/insights/southeast-asias-green-economy-2022/ Tài liệu bổ trợ được cập nhật hàng năm bởi giảng viên
62	SEA3007	Tiếng Indonesia sơ cấp 1	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Badan Pengembangan Bahasa dan Perbukuan. 2019. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat A1). Jakarta. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Pusat Pengembangan Strategy dan Diplomasi Kebahasaan – Badan Pengembangan dan Pembinaan Bahasa – Kementerian Pendidikan dan Kebudayaan, Indonesia. 2016. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat A1).
63	SEA3008	Tiếng Indonesia sơ cấp 2	3	***Học liệu bắt buộc*** 1. Badan Pengembangan Bahasa dan Perbukuan. 2019. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat A2), Jakarta. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Badan Pengembangan dan Pembinaan Bahasa. 2016. Kementerian Pendidikan dan Kebudayaan, Indonesia, *Sahabatku Indonesia* (Tingkat

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				A2).
64	SEA3005	Tiếng Thái sơ cấp 1	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Tương Lai. 2022. *Sách học tiếng Thái Lan (tập 1),* Tái bản lần thứ 2, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội; Hà Nội. 2. Nguyễn Tương Lai. 2007. *Ngữ âm và chữ viết tiếng Thái Lan.* - Công trình khoa học cấp Đại học Quốc gia, Mã số: QX. 05 - 08, Hà Nội. ***Học liệu tham khảo:*** 3. Nguyễn Tương Lai. 2001. *Tiếng Thái Lan.* - Trong: "Các ngôn ngữ Phương Đông"; NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 519-587.
65	SEA3006	Tiếng Thái sơ cấp 2	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Tương Lai. 2022. *Sách học tiếng Thái Lan (tập 1),* Tái bản lần thứ 2, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội; Hà Nội. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Nguyễn Tương Lai. 2001. *Tiếng Thái Lan.* - Trong: "Các ngôn ngữ Phương Đông"; NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 519-587.
66	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Lưu Đức Trung (cb). 1999. *Văn học Đông Nam Á*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội (tái bản lần thứ 1). 2. Benedic Anderson. 1983. *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*. Verso. 3. Edward Said. 1998. *Orientalism*. Penguin. ***Học liệu tham khảo:***

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				4. Bùi Thị Thu Thủy – Phạm Phương Chi. 2022. *Phê bình sinh thái ở Việt Nam: Cây cối, thiên tai và xã hội trong Thơ mới (1932-1945)*. Hà Nội: NXB Quốc gia. 5. Phạm Phương Chi, Lê Thị Dương, Nguyễn Thị Diệu Linh. 2022. *Văn học Anh ngữ và Vấn đề dân tộc Ấn Độ*. NXB Đại học Quốc gia. 6. Chi P. Pham, Chitra Sankaran, Gurpreet Kaur. 2019. *Ecologies in Southeast Asian literatures: Histories, Myths and Societies*. Vernon Press. 7. Chi P. Pham. 2019. *Literature and Nation-Building in Vietnam: The Invisibilization of the Indians*. Routledge. 8.Nguyễn Đức Ninh. *Quá trình hình thành thể loại tiểu thuyết hiện đại trong văn học Việt Nam và một số nước Đông Nam Á*, Nxb *Văn học*, Hà Nội, 2016 9. Chi P. Pham and Chitra Sankaran.2021. *Revenge of Gaia: Contemporary Vietnamese Ecofiction*. Penguin Press. 10. Phạm Phương Chi. 2014. *Cảm thức nghệ thuật trong sử thi Ramayana*. Đại học Quốc gia Hà Nội. 11. Kelly Yin Nga Tse. 2021. "Cinematic Erasure: Translating Southeast / Asia in *Crazy Rich Asians*" trong cuốn *Translational Politics in Southeast Asian Literatures Contesting Race, Gender, and Sexuality*. Edited By Grace V. S. Chin. Routledge. 12. Nitayan Masavisut, Matthew Grose. 1996. Thai Short Stories and

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Poems. Silkworm Books, Chiang Mai. 13.U On Pe. *Modern Burmese Literature. Its background in the independence movement.* https://www.theatlantic.com/magazine/archive/1958/02/modern-burmese-literature/306830/ 14. Somsaiphon Bunthanaung. 1987. "A Bar at the Edge of a Cemetery" 15. *Cambodian Folk Stories from Gatiloke*. Tuttle Publishing. 16. Weihsin Gui. Contemporory Literature from Singapore. https://escholarship.org/uc/item/039050sw 17. Soares, Anthony. "National Identity and National Unity in Contemporary East-Timorese Literature." *Portuguese Studies* 25, no. 1 (2009): 80–101. http://www.jstor.org/stable/4110529 18. After darkness: Southeast Asian art in the wake of history https://asiasociety.org/new-york/exhibitions/after-darkness-southeast-asian-art-wake-history 19. lark, John. "'Tradition' in Thai Modern Art." *Southeast of Now: Directions in Contemporary and Modern Art in Asia*, vol. 4 no. 2, 2020, p. 39-89. *Project MUSE*, doi:10.1353/sen.2020.0007
67	SEA3037	Phát triển du lịch ở các nước Đông Nam Á	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long, Vũ Hương Lan (Đồng chủ biên) 2022. Giáo trình Nhập môn Du lịch (Introduction to Tourism). Tủ sách Khoa học MS.504-KHXH-2022. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				2. Kế hoạch Chiến lược Du lịch ASEAN 2016 – 2025 ***Học liệu tham khảo:*** 3. Đổng Ngọc Minh, Vương Lôi Đình. 2000. Kinh tế du lịch và du lịch học, Nguyễn Xuân Quý dịch, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh. 4. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong ASEAN về nghề du lịch (MRA-TP) 5. Luật Du lịch Việt Nam 2017 https://luatduonggia.vn/luat-du-lich-nam-2017-so-09-2017-qh14-moi-nhat/ 6. Tham khảo thêm trên các trang website du lịch của các nước ASEAN và các trang website sau đây: https://aseanvietnam.vn https://aecvcci.vn https://aseanta.org https://asean.org/our-communities/economic-community/asean-tourism-s https://asean.org/our-communities/economic-community/asean-tourism-sector/ https://vietnamtourism.gov.vn/esrt/default.aspxportalid=1&tabid=344&itemid=602.htm https://www.myceb.com.my/about-us/myceb-programmes/asean-tourism-standards https://asean.org/our-communities/economic-community/asean-tourism-

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				sector/
68	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. D. G. E. Hall. 1997. *Lịch sử Đông Nam Á,* Nxb CTQG, Hà Nội. 2. Lương Ninh, Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh (Cb.). 2015. *Đông Nam Á, lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*. Nxb. CTQG, Hà Nội. 3. Clive J. Christie. 2000. *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại.* Nxb CTQG, Hà Nội. ***Học liệu tham khảo*** 4. Ahmed Ibrahim Abushouk, Hassan Ahmed Ibrahim (eds). 2009. *The Hadhrami Diaspora in Southeast Asia: Identity Maintenance or Assimilation*? Leiden, Boston: Brill. 5. Amba Pande. 2014. "Indians in Southeast Asia: Sojourners, Settler, Diaspora", *International Studies*> No.51, 2014 6. Ching-Hwang Yen. 2008. *The Chinese in Southeast Asia and beyond: Socioeconomic and political dimensions*. New Jersey: World Scientific. 7. Đoàn Minh Huấn, Nguyễn Đức Hùng, *Tổng quan một số lý thuyết về di dân* (http://viennccspt.hcma1.vn) 8. ILO, 2015. Labour Migration in ASEAN, the reality. https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/documents/meetingdocument/wcms_434271.pdf
69	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1	3	***Học liệu bắt buộc:***

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				1. Badan Pengembangan Bahasa dan Perbukuan. 2019. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat B1), Jakarta. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Pusta Pengembangan Strategy dan Diplomasi Kebahasaan, Badan Pengembangan dan Pembinaan Bahasa. Kementerian Pendidikan dan Kebudayaan, Republik Indonesia. 2016. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat B2).
70	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Badan Pengembangan Bahasa dan Perbukuan. 2019. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat B2). Kementerian Pendidikan dan Kebudayaan, Republik Indonesia. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Pusta Pengembangan Strategy dan Diplomasi Kebahasaan, Badan Pengembangan dan Pembinaan Bahasa, Kementerian Pendidikan dan Kebudayaan, Republik Indonesia. 2016. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat B2).
71	SEA3038	Tiếng Indonesia nâng cao 1	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Badan Pengembangan Bahasa dan Perbukuan. 2019. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat C1). Kementerian Pendidikan dan Kebudayaan, Republik Indonesia. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Alamtsier, A.M., 1999, *The Easy Way to Master Indonesian*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Language, Jakarta, Djambatan.
72	SEA3039	Tiếng Indonesia nâng cao 2	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Badan Pengembangan Bahasa dan Perbukuan. 2019. *Sahabatku Indonesia* (Tingkat C2). Kementerian Pendidikan dan Kebudayaan, Republik Indonesia. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Alamtsier, A.M., 1999, *The Easy Way to Master Indonesian Language*, Jakarta, Djambatan.
73	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Tương Lai. *Sách học tiếng Thái Lan (tập 1)*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội; Hà Nội, 2001. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Nguyễn Tương Lai, *Ngữ âm và chữ viết tiếng Thái Lan.* - Công trình khoa học cấp Đại học Quốc gia, Mã số: QX. 05 - 08, Hà Nội, 2007. 3. Nguyễn Tương Lai, *Tiếng Thái Lan.* - Trong: "Các ngôn ngữ Phương Đông"; NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 519-587
74	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Tương Lai. *Sách học tiếng Thái Lan (tập 1)*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội; Hà Nội, 2001. ***Học liệu tham khảo:*** 2. Nguyễn Tương Lai, *Ngữ âm và chữ viết tiếng Thái Lan.* - Công trình khoa học cấp Đại học Quốc gia, Mã số: QX. 05 - 08, Hà Nội, 2007.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				3. Nguyễn Tương Lai, *Tiếng Thái Lan.* Trong: "Các ngôn ngữ Phương Đông"; NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 519-587
75	SEA3040	Tiếng Thái nâng cao 1	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Trần Thị Quỳnh Trang (2021), Bài giảng chuyên đề "Tiếng Thái cơ sở 3" – Khoa Đông Phương học, Trường Đại học KHXHNV, ĐHQGHN ***Học liệu tham khảo:*** 2. Tài liệu bổ trợ được cập nhật hàng năm bởi giáo viên
76	SEA3041	Tiếng Thái nâng cao 2	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1.Nguyễn Thị Thùy Châu, 2022. Giáo trình tiếng Thái nâng cao 4. Khoa Đông Phương học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. ***Học liệu tham khảo:*** 2. ดวงใจไทยอุบุญ, ***ทักษะสการเขียนภาษาไทย,*** สำนักพิมแห่งจุฬาลงกรณ์มหาวิทยาลัย, กรุงเทพฯ, 2549 (Duangjai Thaiuboon, Kỹ năng viết tiếng Thái, NXB: Đại học Chulalongkorn, Bangkok, 2006) 3. พระยาอุปกิตศิลปสาร, ***หลักภาษาไทย,*** สำนักพิมพ์ไทยวัฒนาพานิช, กรุงเทพฯ, ๒๕๔๘ (Praya Oupakit Sinlapasan, Ngữ pháp tiếng Thái, NXB: Thai Wattanapanitch, Bangkok: 2005) 4.สุนันท์อัญชลีนุกูล, ***ระบบคำภาษาไทย,***โครงการเผยแพร่ผลงานวิชาการคณะอักษรศาสตร์จุฬาลงกรณ์มหาวิทยาลัยลำดับที่ 78, กรุงเทพฯ, 2552 (Sunun Unchalee Nukul, Hệ thống từ tiếng Thái, Dự án quảng bá kế t quả nghiên cứu của Khoa Ngữ văn, Đại học Chulalongkorn số 78, Bangkok: 2009)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
77	SEA4003	Thực tập tốt nghiệp	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Shah, Awais. Internship Guide Book. https://www.academia.edu/36611395/INTERNSHIP_GUIDE_BOOK ***Học liệu tham khảo:*** 2. Tài liệu do cơ quan thực tập cung cấp 3. Tài liệu do giáo viên hướng dẫn thực tập cung cấp tùy thuộc vào từng lĩnh vực thực tập cụ thể.
78	SEA4050	Khóa luận tốt nghiệp	5	Các tài liệu liên quan đến đề tài khoa luận do giảng viên cung cấp
79	SEA4052	Cơ hội và tiềm năng phát triển của Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập khu vực	3	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Phạm Đức Thành. 2001. *Đặc điểm con đường phát triển kinh tế - xã hội của các nước ASEAN*. Nxb. KHXH. Hà Nội. 2. Phạm Nguyên Long (Cb.). 1996. *Các con đường phát triển của ASEAN*. Nxb. KHXH. Hà Nội. 3. David Chandler, Norman G. Owen. 2014. *The Emergence of Modern Southeast Asia: A New History*. University of Hawaii Press. 4. Nguyễn Duy Quý. 2001. *Tiến tới một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển bền vững*. Nxb. CTQG. Hà Nội. ***Học liệu tham khảo:*** 5. Kishore Mahbubani, Jeffery Sng. 2019. *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace.* , 6. Dương Văn Huy. 2020. *Tác Động Của Đa Dạng Tôn Giáo Tộc Người Ở Đông Nam Á Đối Với Cộng đồng Asean*, Nxb. KHXH. Hà Nội.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				7. Hiến chương ASEAN. 2008. *Hiến chương của hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. (http://trucotanct.asean.vietnam.vn/Default.aspx?Page=NewsDetail&NewsId=38179)* 8. ASEAN. 2015. *ASEAN Economic Community Blueprint 2025* 9. ASEAN. 2015. *ASEAN Political-Security Community Blueprint 2025.* 10. ASEAN. 2015. *ASEAN Socio Cultural Community Blueprint 2025.* 11.Tim Allen, Alan Thomas (ed.). 2000. *Poverty and Development into the 21st Century.* Oxford University Press. 12. Alan Collins. 2012. *Building a People-Oriented Security Community the ASEAN way.* Routledge Contemporary Southeast Asia Series. 49. 13. Joseph Nevin (ed.), Nancy Lee Peluso. 2018. *Taking Southeast Asia to Market: Commodities, Nature, and People in the Neoliberal Age.* Cornell University Press.
80	SEA4051	Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương đại	2	***Học liệu bắt buộc:*** 1. Alice D. Ba Mark Beeson. 2018. *Contemporary Southeast Asia*, *The politics of change, contestation and adaptation*, Macmillan Education, Palgrave, https://books.google.com.vn/books?id=ZxxHEAAAQBAJ&pg=PA103&source=gbs_selected_pages&cad=1#v=onepage&q&f=false 2. Phạm Thị Vinh (chủ biên). 2007. *Một số vấn đề về xung đột sắc tộc và tôn giáo ở Đông Nam Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Học liệu tham khảo: 3. ADB Brief. 2021. *Supporting Post - Covid -19 Economic Recover in Southeast Asia*, ISBN 978-92-9262-753-9 (electronic) ISSN 2071-7202 (print) ISSN 2218-2675 (electronic) Publication Stock No. BRF210101-2, DOI: http://dx.doi.org/10.22617/BRF210101-2 4. A.K.M.Ahsan Ullah & Hanah Ming Yit Ho. 2020. *Globalisation and Culture in Southeast Asia: Demise, Fragmentation, Transformation, Global Society*, Routledge Taylor & Francis Group 2020, https://www.tandfonline.com/loi/cgsj20. 5. Bruno Jetin, Pascal Petit. 2018. *Development gaps in the ASEAN process of* *regionalisation: mid-term prospects for their reduction*, HAL Id: halshs-01875902 https://halshs.archives-ouvertes.fr/halshs-01875902. 6. Jessie Bruno. 2015. *Inaccurate number, inadequate policies: enhancing data to evaluate the prevalence of human trafficking in ASEAN,* East West Center.org/publication. 7. Joye Erh. 2021. *Assessing Digital Economy Policies in Six Southeast Asian* *Countries,* Yusof Ishak Institute, Issue 2021, No 50, ISSN 2335-6677. 8. Lorlaine R. Dacanay. 2015. *Gender inequality among Association of Southeast Asian Nation countries,* UV Journal of

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc; Tài liệu tham khảo thêm)
				Research https://www.researchgate.net/publication/326199552. 9. Raja Mikael Mitra. 2018. *Digital Transformation and Industry 4.0 in Southeast Asia*, Panorama_2018_02_digital_asia_v5.indd, https://www.kas.de/documents/288143/4843367/panorama_digital_asia_v5a_Mitra.pdf/2309433a-f1dc-5c59-18be-20375225ea67. 10. Wei Jun Jean Yeung. 2022. *Demographic and Family Transition in Southeast Asia*, Springer. https://link.springer.com/content/pdf/10.1007/978-3-030-85679-3.pdf. 11. Mauro Testaverde. 2017. *Migrating to opportunity: Overcoming barriers to labor mobility in Southeast Asia*, The World Bank. 12. ADB Brief. 2021. *Supporting Post - Covid -19 Economic Recover in Southeast Asia*, ISBN 978-92-9262-753-9 (electronic) ISSN 2071-7202 (print) ISSN 2218-2675 (electronic) Publication Stock No. BRF210101-2, DOI: http://dx.doi.org/10.22617/BRF210101-2 13. Thanh T. Ho and Abdul Fikri Angga Reksa. 2023. "Environmental Policy in Indonesia from the Post - New Order Era to the Present : Positive Adjustments and Limitations", in *Media, Politics and Environment*: *Analyzing Experiences from Europe and Asia*, Springer, pp. 189-212.
		Tổng cộng	**132**	

4. Đội ngũ cán bộ giảng dạy

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	Trần Thị Điểu	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Trần Ngọc Liêu	PGS.TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Nguyễn Thị Thu Hường	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Lương Thùy Liên	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Lê Thị Vinh	ThS		Trường ĐHKHXH&NV
				Ngô Đăng Toàn	ThS		Trường ĐHKHXH&NV
				Hoàng Văn Thắng	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Đoàn Thu Nguyệt	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Phạm Thanh Hà	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Phạm Thu Trang	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Đặng Thị Lan	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Trần Thị Hạnh	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Nguyễn Thanh Bình	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Nguyễn Thị Lan	ThS		Trường ĐHKHXH&NV
				Nguyễn Thị Kim Thanh	TS		Trường ĐHKHXH&NV
				Phạm Công Nhất	TS		Trường ĐHKHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Mai K Đa Hà Thị Bắc			
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Nguyễn Thuỳ Anh	TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
				Lê Thị Hồng Điệp	TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
				Phạm Thị Hồng Điệp	PGS.TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
				Trần Đức Hiệp	PGS.TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
				Hoàng Triều Hoa	TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
				Nguyễn Thị Thu Hoài	PGS.TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
				Nguyễn Thị Hương Lan	TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
				Phạm Thị Linh	TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
				Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Th.s		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Hoàng Ngọc Quang Phạm Ngọc Hương Quỳnh	Th.s TS		Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế Khoa KTCT, trường ĐH Kinh tế
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Hà Thị Bắc Phạm Quỳnh Chinh Phạm Công Nhất Phạm Hoàng Giang Phan Thị Hoàng Mai Nguyễn Thị Lan Ngô Thị Phượng	TS TS PGS.TS TS ThS TS .PGS.TS		Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV Trường ĐHKHXH&NV
4.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Phạm Quốc Thành Đỗ Thị Ngọc Anh Nguyễn Thanh Tùng Nguyễn Ngọc Diệp Nguyễn Anh Cường Nguyễn Duy Quỳnh Nguyễn Thu Hồng Trần Thị Quang Hoa	PGS.TS TS TS ThS PGS.TS TS TS TS		Trường ĐH KHXH&NV Trường ĐH KHXH&NV Trường ĐH KHXH&NV Trường ĐH KHXH&NV Trường ĐH KHXH&NV Trường ĐH KHXH&NV Trường ĐH KHXH&NV Trường ĐH KHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Phùng Chí Kiên	TS		Trường ĐH KHXH&NV
				Nguyễn Thị Châu Loan	TS		Trường ĐH KHXH&NV
				Nguyễn Thị Kim Hoa	ThS		Trường ĐH KHXH&NV
				Đặng Anh Dũng	ThS		Trường ĐH KHXH&NV
				Nguyễn Văn Thắng	ThS		Trường ĐH KHXH&NV
				Phạm Quỳnh Hương	ThS		Trường ĐH KHXH&NV
				Nguyễn Quỳnh Nga	NCS		Trường ĐH KHXH&NV
				Trần Thanh Việt	TS		Trường ĐH KHXH&NV
5.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Nguyễn Thị Mai Hoa	PGS.TS		Trường ĐHKHXHNV
				Đỗ Thị Thanh Loan	TS.		Trường ĐHKHXHNV
				Lê Quỳnh Nga	TS.		Trường ĐHKHXHNV
				Phạm Thị Lương Diệu	TS.		Trường ĐHKHXHNV
				Phạm Minh Thế	TS.		Trường ĐHKHXHNV
				Đỗ Hoàng Ánh	TS.		Trường ĐHKHXHNV
				Trương Bích Hạnh	TS.		Trường ĐHKHXHNV
				Hoàng Thị Hồng Nga	TS.		Trường ĐHKHXHNV
				Hồ Thành Tâm	TS.		Trường ĐHKHXHNV
				Hồ Thị Liên Hương	ThS.		Trường ĐHKHXHNV
6.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	Hoàng Thị Kim Quế	GS.TS		Trường ĐH Luật
				Nguyễn Hoàng Anh	PGS.TS		Trường ĐH Luật

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Nguyễn Minh Tuấn Mai Văn Thắng Phạm Thị Duyên Thảo Lê Thị Phương Nga Phan Thị Lan Phương Nguyễn Thị Hoài Phương Nguyễn Văn Quân Các giảng viên khác	PGS.TS TS TS TS TS ThS TS		Trường ĐH Luật Trường ĐH Luật Trường ĐH Luật Trường ĐH Luật Trường ĐH Luật Trường ĐH Luật Trường ĐH Luật
7.	INT1226	Tin học cơ sở	3	Đỗ Văn Hùng Đặng Trần Long Vũ Thị Hồng Vân Đào Minh Quân Nguyễn Văn Nghĩa Vũ Thị Vân Anh	TS ThS ThS TS ThS ThS		Khoa Thông tin - Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN Khoa Thông tin - Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN Khoa Thông tin - Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
							Trung tâm Truyền thông và CNTT, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN Trung tâm Truyền thông và CNTT, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN Trung tâm Truyền thông và CNTT, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN
8.	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	Giảng viên Khoa Tiếng Anh,			Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
9.		Kĩ năng bổ trợ	3				
10.		Giáo dục thể chất	4				
11.		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
12.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Đào Thanh Trường Trịnh Ngọc Thạch Trần Văn Hải Đặng Kim Khánh Ly Vũ Hải Trang Đỗ Huyền Trang Nguyễn Thị Ngọc Anh Nguyễn Thị Quỳnh Anh Đinh Thanh Hà Nguyễn Minh Thúy Nguyễn Hữu Thành Chung	 PGS.TS TS PGS.TS TS ThS ThS TS TS ThS TS ThS		Khoa Khoa học quản lý Khoa Khoa học quản lý Khoa Khoa học quản lý Khoa Xã hội học Khoa Khoa học quản lý Khoa Khoa học quản lý Viện Chính sách và Quản lý Viện Y học cổ truyền quân đội Viện Y học cổ truyền quân đội Viện Chính sách và Quản lý Khoa Khoa học quản lý
13.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Trần Thị Lan Nguyễn Ngọc Minh Nguyễn Thị Hoài Phương Đỗ Thị Hương Thảo	TS TS TS TS		Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Đinh Đức Tiến Nguyễn Bảo Trang Nguyễn Văn Anh Nguyễn Thị Bình Hoàng Văn Diệp Lâm Thị Mỹ Dung Nguyễn Thị Mỹ Hạnh Nguyễn Hữu Mạnh Bùi Thị Bích Ngọc Nguyễn Ngọc Phúc Đặng Hồng Sơn	ThS TS TS ThS GS.TS TS TS ThS ThS PGS.TS		Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Quốc tế học Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử
14.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	Nguyễn Văn Kim Lý Tường Vân Trần Thiện Thanh Đinh Tiến Hiếu Phạm Văn Thủy Nguyễn Nhật Linh Nguyễn Thị Minh Nguyệt	GS.TS TS PGS.TS TS PGS.TS TS ThS		Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Quốc tế học Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử Khoa Lịch sử
15.	PHI1054	Logic học đại cương	3	Nguyễn Thị Thúy Vân	PGS.TS		Khoa Triết học

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Nguyễn Anh Tuấn Trần Minh Hiếu Nguyễn Thị Liên Trương Thị Quỳnh Hoa	PGS.TS TS TS TS		Khoa Triết học Khoa Triết học Khoa Triết học Khoa Triết học
16.	PSY1051	Tâm lý học đại cương	3	Trương Thị Khánh Hà Nguyễn Văn Lượt Trương Quang Lâm Trần Hà Thu Nguyễn Huy Hoàng	PGS.TS PGS.TS TS TS ThS		Khoa Tâm lý học Khoa Tâm lý học Khoa Tâm lý học Khoa Tâm lý học Khoa Tâm lý học

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
17.	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	Nguyễn Thị Thu Hà Hoàng Thu Hương Nguyễn Thị Như Trang, Nguyễn Thị Kim Nhung Nguyễn Thị Lan Đinh Phương Linh Mai Linh Đào Thuý Hằng, Phạm Diệu Linh Phạm Thị Minh Tâm Đặng Hoàng Thanh Lan Nguyễn Lan Nguyên	PGS.TS PGS.TS PGS.TS TS. TS. TS. TS. TS. TS. Th.S. Th.S. Th.S.		Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV
18.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	Đào Thị Thu Trang Lê Thị Khánh Ly Lê Thị Hải An	TS. TS. Th.S.		Khoa Kinh tế phát triển - Trường Đại học Kinh tế - ĐHGQHN Khoa Kinh tế phát triển - Trường Đại học Kinh tế -

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
							ĐHGQHN Khoa Kinh tế phát triển - Trường Đại học Kinh tế - ĐHGQHN
19.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	Nguyễn Mạnh Khải Các giảng viên Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN	PGS.TS. TS./Th.S.		Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
20.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	Hoàng Thị Phương Thảo Bùi Khánh Hằng	TS. Th.S.		Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
21.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	Nguyễn Thị Phương Thùy Đinh Kiều Châu	PGS.TS. PGS.TS.		Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐHKHXH&NV Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐHKHXH&NV
22.	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	Nghiêm Xuân Huy Nguyễn Hoàng Sơn Phạm Tiến Toàn Nguyễn Thị Kim Dung	Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ		Đại học Quốc gia Hà Nội Đại học Quốc gia Hà Nội Bộ Giáo dục và Đào tạo Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Đỗ Văn Hùng	Tiến sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Nguyễn Hoàng Mai	Tiến sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Tiến sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Bùi Thanh Thủy	Tiến sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Nguyễn Chí Trung	Tiến sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Trần Thị Thanh Vân	Tiến sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Đồng Đức Hùng	Thạc sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Trần Đức Hòa	Thạc sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Nguyễn Thị Kim Lân	Thạc sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
				Nguyễn Thị Trang Nhung	Thạc sĩ		Khoa TT-TV, Trường Đại

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Trịnh Khánh Vân	Thạc sĩ		học KHXH&NV Khoa TT-TV, Trường Đại học KHXH&NV
23.	LIT1053	Viết học thuật	2	Nguyễn Thị Như Trang Hoàng Cẩm Giang Phạm Văn Hưng Lê Nguyên Long	PGS.TS. TS. TS. TS		Khoa Văn học, Trường Đại học KHXH&NV
24.	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	Nguyễn Thị Năm Hoàng Nguyễn Hương Ngọc Trần Thị Thục Nguyễn Thuỳ Linh Nguyễn Thị Bích Lê Thị Tuân Trần Thanh Việt Phạm Xuân Thạch	TS. TS. TS. TS. TS. TS. .TS. PGS.TS.		Trường Đại học KHXH&NV
25.	ITS1051	Hội nhập Quốc tế và phát triển	2	Ngô Tuấn Thắng Nguyễn Thị Thùy Trang Nguyễn Thùy Chi .Nguyễn Trọng Chính	TS. TS. Th.S. Th.S.		Khoa Quốc tế học, Trường Đại học KHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
26.	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	Phạm Quốc Thành Đặng Anh Dũng Đinh Xuân Lý Trần Thị Quang Hoa Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS. ThS. PGS.TS. TS. ThS.		Khoa Khoa học chính trị Trường Đại học KHXH&NV
27.	SEA1103	Tiếng Anh nâng cao 1	3	Nguyễn Thị Thu Dung Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TS. Th.S.	Ngôn ngữ Lịch sử	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
28.	SEA1104	Tiếng Anh nâng cao 2	3	Nguyễn Thị Thu Dung Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TS. Th.S.	Ngôn ngữ Lịch sử	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
29.	MNS1054	Khởi nghiệp	3	Đào Thanh Trường Hoàng Thị Hải Yến Trương Thu Hà Nguyễn Thị Ngọc Anh Nguyễn Quốc Anh	PGS.TS TS ThS TS ThS		Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học KHXH&NV Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học KHXH&NV Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học KHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Vũ Thị Cẩm Thanh	ThS		Viện Chính sách và quản lý, Trường Đại học KHXH&NV Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học KHXH&NV
30.	SEA4001	Niên luận	2	Giảng viên Bộ môn Đông Nam Á học, khoa Đông Phương học, trường ĐH KHXH&NV	Th.S. TS.	Ngôn ngữ học Ngôn ngữ Thái Lan Lịch sử Đông Nam Á học Giáo dục học	Khoa Đông Phương học, trường ĐH KHXH&NV
31.	SEA1105	Lịch sử, văn hóa và tư tưởng phương Đông	3	Lê Đình Chỉnh Nguyễn Thị Thu Dung Nghiêm Thúy Hằng Nguyễn Thị Minh Nguyệt	PGS.TS. TS TS. Th.S.	Lịch sử thế giới Ngôn ngữ Ngôn ngữ Lịch sử	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
32.	SEA1106	Kinh tế Đông Á	3	Nguyễn Thị Minh	Th.S.	Lịch sử	Khoa Đông Phương học,

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Nguyệt Nguyễn Hà Phương	TS.	Kinh tế	Trường ĐH KHXH&NV Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
33.	ITS1104	Khu vực học đại cương	3	Nguyễn Thu Hằng Võ Minh Vũ	TS. TS.		Khoa Quốc tế học, Trường ĐH KHXH&NV Khoa Đông phương học, Trường ĐH KHXH&NV
34.	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	Nguyễn Thị Thúy Hằng Vũ Trà My	TS. Th.S.		Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường ĐH KHXH&NV Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường ĐH KHXH&NV
35.	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương	3	Nguyễn Thị Thanh Huyền Nguyễn Thanh Mai	PGS.TS. TS.		Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường ĐH KHXH&NV Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường ĐH KHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Nguyễn Hoàng Anh Phạm Chiến Thắng	Th.S. TS.		Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường ĐH KHXH&NV ĐH Thái Nguyên
36.	ITS1100	Nhập môn Quan hệ quốc tế	3	Hoàng Khắc Nam Vũ Vân Anh	GS.TS. TS.		Khoa Quốc tế học, Trường ĐH KHXH&NV
37.	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	Phạm Hồng Long Đỗ Hải Yến Nguyễn Hoàng Phương	PGS.TS. TS. Th.S.		Khoa Du lịch học, Trường ĐH KHXH&NV
38.	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng	3	Cam Anh Tuấn Nguyễn Hồng Duy Nguyễn Trọng Tâm	TS. TS. Th.S.		Trường ĐHKHXH&NV
39.	ANT1100	Nhân học đại cương	3	Nguyễn Văn Sửu Đinh Thị Thanh Huyền Phan Thị Ngọc Lương Thị Minh Ngọc -	PGS.TS. TS. TS. Th.S.		Khoa Nhân học, Trường ĐHKHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
40.	ITS1151	Luật quốc tế	3	Phạm Thị Thu Huyền Vũ Anh Thư	TS. TS.		Khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXH&NV
41.	SEA1150	Nhập môn Đông Nam Á học		Hồ Thị Thành Nguyễn Thị Thùy Châu	TS. TS.	Đông Nam Á học Ngôn ngữ học	Khoa Đông Phương học, trường ĐH KHXH&NV
42.	SEA1151	Lịch sử Đông Nam Á	3	Hồ Thị Thành Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TS. Th.S	Đông Nam Á học Lịch sử	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
43.	SEA2000	Văn hóa Đông Nam Á	3	Nguyễn Thị Thu Dung Trần Thị Quỳnh Trang Nguyễn Thị Thùy Châu Hồ Thị Thành	TS Th.S. TS. TS.	Ngôn ngữ Giáo dục học Ngôn ngữ Thái Lan Đông Nam Á học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
44.	SEA1154	Thể chế chính trị ở các nước Đông Nam Á	3	Trần Điệp Thành Võ Xuân Vinh	TS. TS.	Quốc tế học Lịch sử thế giới	Khoa Khoa học Liên ngành, ĐH Quốc gia Hà Nội Viện NC Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
45		Quan hệ quốc tế ở Đông	3	Võ Xuân Vinh		Lịch sử thế giới	Viện NC Đông Nam Á,

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
	SEA3027	Nam Á		Hồ Thị Thành	TS. TS.	Đông Nam Á học	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam. Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
46	SEA3028	Biển Đông và sông Mekong ở Đông Nam Á	3	Nguyễn Thị Minh Nguyệt Võ Xuân Vinh	Th.S. TS.	Lịch sử Lịch sử thế giới	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV Viện NC Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.
47	SEA1155	Các dân tộc ở Đông Nam Á	3	Nguyễn Thị Thùy Châu Nguyễn Thị Thu Dung	TS. TS.	Ngôn ngữ Thái Lan Ngôn ngữ học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
48	ARO1161	Tổ chức văn phòng	3	Vũ Thị Phụng Phạm Thị Diệu Linh	PGS.TS TS.		Hội Văn thư – Lưu trữ Việt Nam Khoa Lưu trữ học, Trường ĐHKHXH&NV
49	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng	3	Nguyễn Văn Chiều Vũ Thị Phụng	PGS.TS PGS.TS		Khoa Chính trị học, Trường ĐHKHXH&NV Hội Văn thư – Lưu trữ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
							Việt Nam
50	TOU1150	Văn hóa du lịch	3	Nguyễn Hoàng Phương Nguyễn Phạm Hùng	Th.S. PGS.TS.		Khoa Du lịch học, Trường ĐHKHXH&NV
51	TOU1151	Marketing du lịch	3	Tô Quang Long Nguyễn Quang Vinh	TS. TS.		Khoa Du lịch học, Trường ĐHKHXH&NV
52	PRS3004	Tổ chức sự kiện	3	Trịnh Lê Anh Nguyễn Hương Giang	Th.S. Th.S.		Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường ĐHKHXH&NV Công ty truyền thông
53	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	Mai Tuyết Hạnh Nguyễn Thu Trang	TS. TS.		Khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV
54	SEA2001	Địa lý, cư dân và kinh tế Đông Nam Á	3	Nguyễn Thị Minh Nguyệt Trần Thị Quỳnh Trang	Th.S. Th.S.	Lịch sử Giáo dục học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
55	SEA3010	Cộng đồng ASEAN	2	Hồ Thị Thành Võ Xuân Vinh	TS. TS.	Đông Nam Á học Lịch sử thế giới	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV Viện NC Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
56	SEA1156	Tôn giáo ở Đông Nam Á	3	Nguyễn Thị Thu Dung Nguyễn Thị Thùy Châu	TS. TS.	Ngôn ngữ Ngôn ngữ Thái Lan	Khoa Đông Phương học,Ttrường ĐH KHXH&NV
57	SEA3032	Tiếng Anh chuyên ngành (Văn hóa)	3	Phùng Thị Thảo Nguyễn Trần Tiến	TS. TS.	Đông Nam Á học Lịch sử thế giới	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
58	SEA3033	Tiếng Anh chuyên ngành (Lịch sử)	3	Nguyễn Trần Tiến Nguyễn Thị Thu Dung	TS. TS.	Lịch sử thế giới Ngôn ngữ	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
59	SEA3034	Tiếng Anh chuyên ngành (Chính trị)	3	Nguyễn Trần Tiến Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TS. TS.	Lịch sử thế giới Ngôn ngữ	Khoa Đông Phương học, trường ĐH KHXH&NV
60	SEA3035	Tiếng Anh chuyên ngành (Xã hội)	3	Nguyễn Trần Tiến Phạm Phương Chi	TS. TS.	Lịch sử Văn học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV. Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học XH Việt Nam
61	SEA3036	Tiếng Anh chuyên ngành (Kinh tế)	3	Phạm Thanh Huyền Nguyễn Thị Minh	TS. Th.S	Lịch sử Lịch sử	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Nguyệt			
62	SEA3007	Tiếng Indonesia sơ cấp 1	3	Hồ Thị Thành Giáo viên Indonesia	TS. Th.S	Đông Nam Á học Ngôn ngữ học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
63	SEA3008	Tiếng Indonesia sơ cấp 2	3	Hồ Thị Thành Giáo viên Indonesia	TS. Th.S.	Đông Nam Á học Ngôn ngữ học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
64	SEA3005	Tiếng Thái sơ cấp 1	3	Đào Thị Lan Anh Trần Thị QuỳnhTrang Nguyễn Thị Thùy Châu	Th.S. Th.S. TS.	Ngôn ngữ Giáo dục học Ngôn ngữ Thái Lan	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
65	SEA3006	Tiếng Thái sơ cấp 2	3	Đào Thị Lan Anh Trần Thị QuỳnhTrang Nguyễn Thị Thùy Châu	Th.S. Th.S. TS.	Ngôn ngữ Giáo dục học Ngôn ngữ Thái Lan	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
66	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á	3	Nguyễn Thị Thùy Châu Phạm Phương Chi	TS. TS.	Ngôn ngữ Thái Lan	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV Viện Văn học, Viện Hàn

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
						Văn học	lâm Khoa học XH Việt Nam
67	SEA3037	Phát triển du lịch ở các nước Đông Nam Á	3	Nguyễn Thị Thu Dung Trần Thị Quỳnh Trang	TS. Th.S	Ngôn ngữ Giáo dục học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
68	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN	3	Phạm Văn Thủy Trần Thị Quỳnh Trang	TS.. Th.S..	Lịch sử Giáo dục học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
69	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1	3	Hồ Thị Thành Giáo viên Indonesia	TS. Th.S.	Đông Nam Á học Ngôn ngữ học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
70	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2	3	Hồ Thị Thành Giáo viên Indonesia	TS. Th.S.	Đông Nam Á học Ngôn ngữ học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
71	SEA3038	Tiếng Indonesia nâng cao 1	3	Hồ Thị Thành Giáo viên Indonesia	TS. Th.S.	Đông Nam Á học Ngôn ngữ học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
72	SEA3039	Tiếng Indonesia nâng cao 2	3	Hồ Thị Thành	TS.	Đông Nam Á học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
				Giáo viên Indonesia	Th.S.	Ngôn ngữ học	
73	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1	3	Nguyễn Thị Thùy Châu Đào Thị Lan Anh Trần Thị QuỳnhTrang	TS. Th.S. TS.	Ngôn ngữ Thái Lan Ngôn ngữ Giáo dục	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
74	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2	3	Nguyễn Thị Thùy Châu Đào Thị Lan Anh Trần Thị QuỳnhTrang	TS. Th.S. TS.	Ngôn ngữ Thái Lan Ngôn ngữ Giáo dục	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
75	SEA3040	Tiếng Thái nâng cao 1	3	Trần Thị QuỳnhTrang Nguyễn Thị Thùy Châu Đào Thị Lan Anh	Th.S. TS. Th.S.	Giáo dục học Ngôn ngữ Thái Lan Ngôn ngữ	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
76	SEA3041	Tiếng Thái nâng cao 2	3	Nguyễn Thị Thùy Châu Đào Thị Lan Anh Trần Thị QuỳnhTrang	TS. Th.S. TS.	Ngôn ngữ Thái Lan Ngôn ngữ Giáo dục	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
77	SEA4003	Thực tập tốt nghiệp	3	Bộ môn Đông Nam Á học	TS, Th.S.	Ngôn ngữ, Ngôn ngữ Thái	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
						Lan, Lịch sử, Đông Nam Á học, Giáo dục học	
78	SEA4050	Khóa luận tốt nghiệp	5	Bộ môn Đông Nam Á học	TS, Th.S.	Ngôn ngữ, Ngôn ngữ Thái Lan, Lịch sử, Đông Nam Á học, Giáo dục học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
79	SEA4052	Cơ hội và tiềm năng phát triển của Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập khu vực	3	Nguyễn Thị Minh Nguyệt Trần Thị Quỳnh Trang	Th.S. Th.S.	Lịch sử Giáo dục học	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV
80	SEA4051	Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương đại	2	Hồ Thị Thành Nguyễn Thị Thùy Châu	TS. TS.	Đông Nam Á học Ngôn ngữ Thái Lan	Khoa Đông Phương học, Trường ĐH KHXH&NV

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

5.1. Tiến trình đào tạo

HỌC KỲ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tuần học	HP tiên quyết	Khối
1	FLF1107	Tiếng Anh B1	**5**	15		M1
2	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	**3**	15		M2
3	PSY1051	Tâm lý học đại cương *General Psychology*	**3**	15		M2
4	INT1226	Tin học cơ sở	**3**	15		M1
5	Chọn 1 học phần trong số các học phần sau:		**3**			
	SEA1105	Lịch sử văn hóa và tư tưởng phương Đông	3/10			M3
	SEA1106	Kinh tế Đông Á		15		M3
	ITS1104	Khu vực học đại cương	3/10	15		M3
	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3/10	15		M3
	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương	3/10	15		M3
	ITS1100	Nhập môn Quan hệ quốc tế	3/10	15		M3
	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3/10	15		M3
	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng	3/10	15		M3
	ANT1100	Nhân học đại cương	3/10	15		M3
	ITS1151	Luật quốc tế	3/10	15		M3
Tổng			**17**			

HỌC KỲ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tuần học	HP tiên quyết	Khối
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	**3**	15		M1

2	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	**3**	15		M2
3	SEA1103	Tiếng Anh nâng cao 1	**3**	15	FLF1107	M3
4	SEA1150	Nhập môn Đông Nam Á học	**3**	15		M4
5	SEA2000	Văn hóa Đông Nam Á	**3**	15		M4
6	Chọn 1 trong hai học phần dưới đây:		**3/6**	15		
	SEA3007	Tiếng Indonesia sơ cấp 1	3/6	15		M5
	SEA3005	Tiếng Thái sơ cấp 1	3/6	15		M5
Tổng			**18**			

HỌC KỲ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tuần học	HP tiên quyết	Khối
1	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	**2**	15	PHI1106	M1
2	Chọn 2 trong các học phần sau:		**4/18**			
	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	15		M2
	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	15		M2
	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15		M2
	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	15		M2
	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	15		M2
	LIT1053	Viết học thuật	2	15		M2
	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	15		M2
	ITS1051	Hội nhập Quốc tế và phát triển	2	15		M2
	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	15		M2
5	SEA1104	Tiếng Anh nâng cao 2	**3**	15	SEA1103	M3

	Chọn 2 học phần trong số các học phần sau:		**6/30**			
6	SEA1105	Lịch sử văn hóa và tư tưởng phương Đông	3	15		M3
	SEA1106	Kinh tế Đông Á	3	15		M3
	ITS1104	Khu vực học đại cương	3	15		M3
	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	15		M3
	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương	3	15		M3
	ITS1100	Nhập môn Quan hệ quốc tế	3	15		M3
	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	15		M3
	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng	3	15		M3
	ANT1100	Nhân học đại cương	3	15		M3
	ITS1151	Luật quốc tế	3	15		M3
6	Chọn 1 trong hai học phần dưới đây		**3/6**			
	SEA3008	Tiếng Indonesia sơ cấp 2	3	15	SEA3007	M5
	SEA3006	Tiếng Thái sơ cấp 2	3	15	SEA3005	M5
Tổng			**17**			

HỌC KỲ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tuần học	HP tiên quyết	Khối
1	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	**2**	15	PHI1106	M1
2	PHI1054	Logic học đại cương	**3**	15		M2
2	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	**3**	15		M2
	Chọn 2 trong các học phần sau:		**2/18**			
	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	15		M2

	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	15		M2
	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15		M2
	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	15		M2
	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	15		M2
	LIT1053	Viết học thuật	2	15		M2
	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	15		M2
	ITS1051	Hội nhập Quốc tế và phát triển	2	15		M2
	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	15		M2
3	SEA1151	Lịch sử Đông Nam Á	**3**	15		M4
4	SEA3032	Tiếng Anh chuyên ngành (Văn hóa)	**3**	15	FLF1107	
	Chọn 1 học phần trong các học phần sau:		**3/33**			
5	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á	3	15		M5
6	SEA3037	Phát triển du lịch ở các nước Đông Nam Á	3	15		M5
	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN	3	15		M5
	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1	3	15	SEA3008	M5
	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2	3	15	SEA3023	M5
	SEA3038	Tiếng Indonesia nâng cao 1	3	15	SEA3024	M5
	SEA3039	Tiếng Indonesia nâng cao 2	3	15	SEA3038	M5
	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1	3	15	SEA3006	M5
	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2	3	15	SEA3025	M5
	SEA3040	Tiếng Thái nâng cao 1	3	15	SEA3026	M5
	SEA3041	Tiếng Thái nâng cao 2	3	15	SEA3040	M5

Tổng	**19**				

HỌC KỲ 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tuần học	HP tiên quyết	Khối
1	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	**2**	15		M1
2	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	**2**	15		M1
	Chọn 1 học phần trong số các học phần sau (không trùng với học phần đã học):		**2/18**			M2
3	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	15		M2
	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15		M2
	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	15		M2
	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	15		M2
	LIT1053	Viết học thuật	2	15		M2
	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	15		M2
	ITS1051	Hội nhập Quốc tế và phát triển		15		M2
	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	15		M2
4	SEA4001	Niên luận	**2**	15		M5
5	SEA2001	Địa lý, cư dân và kinh tế Đông Nam Á	**3**	15		M5
6	SEA3033	Tiếng Anh chuyên ngành (Lịch sử)	**3**	15	FLF1107	M5
	Chọn 2 trong số các học phần sau (không trùng với các học phần đã học)		**6/33**			
7	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á	15	15		M5
	SEA3037	Phát triển du lịch ở các	15	15		M5

		nước Đông Nam Á				
	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN	15	15		M5
	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1	3	15	SEA3008	M5
	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2	3	15	SEA3023	M5
	SEA3038	Tiếng Indonesia nâng cao 1	3	15	SEA3024	M5
	SEA3039	Tiếng Indonesia nâng cao 2	3	15	SEA3038	M5
	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1	3	15	SEA3006	M5
	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2	3	15	SEA3025	M5
	SEA3040	Tiếng Thái nâng cao 1	3	15	SEA3026	M5
	SEA3041	Tiếng Thái nâng cao 2	3	15	SEA3040	M5
Tổng			**19**			

HỌC KỲ 6

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tuần học	HP tiên quyết	Khối
1	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	**2**	15		M1
2	SOC1051	Xã hội học đại cương	**3**	15		M2
	Chọn 1 học phần trong số các học phần sau (không trùng với các học phần đã học)		**3/33**			
3	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á	3	15		M5
	SEA3037	Phát triển du lịch ở các nước Đông Nam Á	3	15		M5
	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN	3	15		M5
	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1	3	15	SEA3008	M5
	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2	3	15	SEA3023	M5

	SEA3038	Tiếng Indonesia nâng cao 1	3	15	SEA3024	M5
	SEA3039	Tiếng Indonesia nâng cao 2	3	15	SEA3038	M5
	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1	3	15	SEA3006	M5
	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2	3	15	SEA3025	M5
	SEA3040	Tiếng Thái nâng cao 1	3	15	SEA3026	M5
	SEA3041	Tiếng Thái nâng cao 2	3	15	SEA3040	M5
	Chọn 2 học phần trong số các học phần sau (không trùng với các học phần đã học)		**6/12**			
4	SEA1154	Thể chế chính trị các nước Đông Nam Á	3	15		M4
5	SEA3027	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	3	15		M4
	SEA3028	Biển Đông và sông Mekong ở Đông Nam Á	3	15		M4
	SEA1155	Các dân tộc ở Đông Nam Á	3	15		M4
	ARO1161	Tổ chức văn phòng	3	15	ARO1115	M4
	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng	3	15	ARO1115	M4
	TOU1150	Văn hóa du lịch	3	15		M4
	TOU1151	Marketing du lịch	3	15	OU1102	M4
	PRS3004	Tổ chức sự kiện	3	15	RS1100	M4
	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	15		M4
6	SEA3010	Cộng đồng ASEAN	**2**	15		M5
7	SEA3034	Tiếng Anh chuyên ngành (Chính trị)	**3**	15	FLF1107	M5
Tổng			**19**			

HỌC KỲ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tuần học	HP tiên quyết	Khối
1	MNS1054	Khởi nghiệp	**3**	15		M3
2	SEA3036	Tiếng Anh chuyên ngành (Kinh tế)	**3**	15	FLF1107	M5
3	SEA3035	Tiếng Anh chuyên ngành (Xã hội)	**3**	15	FLF1107	M5
4	SEA1156	Tôn giáo ở Đông Nấm	**3**	15		M5
5	Chọn 1 học phần trong số các học phần sau (không trùng với các học phần đã học)		**3/33**			
	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á	3	15		M5
	SEA3037	Phát triển du lịch ở các nước Đông Nam Á	3	15		M5
	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN	3	15		M5
	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1	3	15	SEA3008	M5
	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2	3	15	SEA3023	M5
	SEA3038	Tiếng Indonesia nâng cao 1	3	15	SEA3024	M5
	SEA3039	Tiếng Indonesia nâng cao 2	3	15	SEA3038	M5
	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1	3	15	SEA3006	M5
	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2	3	15	SEA3025	M5
	SEA3040	Tiếng Thái nâng cao 1	3	15	SEA3026	M5
	SEA3041	Tiếng Thái nâng cao 2	3	15	SEA3040	M5
6	SEA4003	Thực tập tốt nghiệp	**3**	33 ngày (không tính thứ 7, chủ		M5

				nhật)		
Tổng			**18**			

HỌC KỲ 8

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tuần học	HP tiên quyết	Khối
1	LIT4052	Khóa luận tốt nghiệp	5	15		M5
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp						
1	SEA4052	Cơ hội và tiềm năng phát triển của Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập khu vực	3	15		M5
2	SEA4051	Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương đại	2	15		M5
Tổng			**5**			

5.2. Các yêu cầu thực hiện CTĐT

Khối kiến thức chung trong Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), khối kiến thức theo lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV), khối kiến thức nhóm ngành hoặc liên ngành và khối kiến thức ngành Đông Nam Á học được tổ chức đào tạo song song. Tuy nhiên, những học kỳ đầu tập trung nhiều hơn vào các học phần thuộc khối kiến thức chung của ĐHQGHN và khối kiến thức theo lĩnh vực KHXH&NV. Các học kỳ sau tập trung nhiều hơn vào khối kiến thức ngành Đông Nam Á học.

+ Sinh viên cần thực hiện quy định liên quan tới các loại học phần như sau:

- Học phần bắt buộc: sinh viên bắt buộc phải tích lũy.

- Học phần tự chọn: Sinh viên được tự chọn học phần sao cho đủ số tín chỉ tích lũy của mỗi Khối kiến thức. Đối với học phần tự chọn tiếng bản địa, sinh viên được chọn một trong hai thứ tiếng: tiếng Indonesia hoặc tiếng Thái Lan.

- Học phần chung, kĩ năng mềm, GDTC, Giáo dục QP-AN, học phần ngoại ngữ: sinh viên đăng ký học theo hướng dẫn của Phòng Đào tạo.

- Học phần chuyên ngành: sinh viên đăng ký học các học phần chuyên ngành theo tư vấn của cố vấn học tập.

- Về học phần tiếng Anh:

Tiếng Anh theo khối kiến thức chung của ĐHQGHN

Theo quy định của ĐHQGHN, Tiếng Anh B1 trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Anh bậc 3, tương đương với trình độ ngoại ngữ cơ sở là B1 theo khung tham chiếu châu Âu hoặc bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc. Sau khi học và thi đạt học phần tiếng Anh B1 (hoặc có chứng chỉ tiếng Anh B1), sinh viên ngành Đông Nam Á học sẽ đăng ký học phần Tiếng Anh nâng cao 1 và Tiếng Anh nâng cao 2 (tương đương với Tiếng Anh cho Khoa học xã hội và nhân văn 1 và Tiếng Anh cho Khoa học Xã hội Nhân văn 2). Học phần Tiếng Anh nâng cao 1 và Tiếng Anh nâng cao 2 được thiết kế nhằm củng cố và tăng cường các kiến thức ngữ pháp cũng như các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết căn bản sau trình độ B1, nhằm hỗ trợ sinh viên học các học phần tiếng Anh chuyên ngành hiệu quả hơn.

Học phần tiếng Anh B1 do Đại học Ngoại ngữ phụ trách, ủy quyền cho đơn vị đào tạo thực hiện. Những sinh viên đã có các chứng chỉ Topik cấp 3 hoặc tương đương sẽ được miễn học phần tiếng Anh B1 theo quy định của ĐHQGHN. Đơn vị đào tạo có thể tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh bổ sung khi miễn học học phần tiếng Anh B1 và công nhận tích lũy tín chỉ của học phần cho sinh viên.

Về ngoại ngữ chuyên ngành:

Thời lượng kiến thức chuyên ngành nói chung và ngoại ngữ của chuyên ngành nói riêng chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong chương trình đào tạo. Trong đó, tiếng Anh chuyên ngành là những học phần bắt buộc. Các học phần tiếng bản địa (tiếng Indonesia/tiếng Thái) trình độ sơ cấp (tương đương A1, A2) là học phần bắt buộc, còn các học phần tiếng bản địa trình độ trung cấp và nâng cao là học phần tự chọn để sinh viên có thể lựa chọn tùy theo sở trường và định hướng của mình.

- Học phần của ngành được đào tạo online: Tùy theo từng học kỳ, Bộ môn Đông Nam Á có thể nhận giáo viên tình nguyện người bản địa hoặc mời giáo viên người bản địa (người Indonesia/ người Thái) giảng dạy qua hình thức trực tuyến. Để đảm bảo tính hiệu quả của học phần, việc dạy trực tuyến có thể được kết hợp với giảng dạy trực tiếp do giáo viên trong bộ môn đảm nhiệm. Việc phân bổ giờ dạy trực tuyến/trực tiếp tùy thuộc vào điều kiện từng học kỳ.

- Hoc phần thực tập: Sinh viên đăng ký học và thực hiện theo hướng dẫn của Khoa vào học kỳ hè năm thứ ba hoặc năm thứ tư khi đã đạt đủ điều kiện.

- Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế KLTN: Điều kiện giao đề tài khóa luận tốt nghiệp và tổ chức cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp theo quy định cụ thể của nhà trường và thông báo chi tiết của khoa vào đầu mỗi học kỳ.

Các sinh viên đủ tiêu chuẩn làm khóa luận tốt nghiệp có thể chọn làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, có lượng kiến thức tương đương với 5 tín chỉ, bao gồm: *Cơ hội và tiềm năng phát triển của Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập khu vực* (3 TC) và *Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương đại* (2TC)

+ Học kỳ: Mỗi năm học có hai học kỳ chính và một học kỳ phụ. Mỗi học kỳ chính có 15 tuần học và từ 3 đến 4 tuần thi. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần học và 1 tuần thi, được tổ chức trong thời gian giữa hai học kỳ chính.

+ Khóa học: Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo chính quy là 8 học kỳ chính. Thời gian tối đa hoàn thành khóa học bao gồm thời gian thiết kế của khóa học cộng với 4 học kỳ chính.

+ Thời khóa biểu: Thời khóa biểu của lớp học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, gồm các thông tin: tên học phần, số tín chỉ, tên lớp học phần, tiết học, phòng học, số sinh viên, thông tin của giảng viên dạy học phần và các thông tin khác được Phòng Đào tạo cung cấp cho sinh viên để sinh viên đăng ký trước khi bắt đầu học kỳ.

5.3. Tổ chức thực hiện hoạt động giảng dạy

+ Khoa: Thực hiện công tác quản lý, giám sát, phụ trách chung

+ Bộ môn chuyên môn: Thực hiện phân công cán bộ giảng dạy và phụ trách chuyên môn.

+ Giảng viên: Phụ trách hoạt động giảng dạy chuyên môn

+ Đội ngũ hỗ trợ: Cố vấn học tập/trợ lý đào tạo/ thanh tra:

- Cố vấn học tập: Hỗ trợ sinh viên thuộc lớp khóa học được phân công phụ trách về các mặt: hướng dẫn xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký học phần, tư vấn hướng dẫn về phương pháp học tập, nghiên cứu, kỹ năng; theo dõi kết quả học tập của sinh viên; giúp đỡ sinh viên giải quyết các khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở, cảnh báo khi kết quả học tập của sinh viên giảm sút; phối hợp với các các cá nhân và đơn vị liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên trong học tập và đời sống; đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên.

- Trợ lý đào tạo: Đầu mối trung gian giữa Khoa, giảng viên, sinh viên và Nhà trường chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý, hỗ trợ, thông tin đến giảng viên, sinh viên các hoạt động giảng dạy, đào tạo.

- Thanh tra: theo dõi, giám sát, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình đào tạo theo Quy chế đào tạo.

5.4. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp lấy "Người học là trung tâm" sẽ được sử dụng trong suốt khóa học để giúp sinh viên tham gia tích cực vào quá trình dạy và học. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở trường và ở nhà.

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

5.5. Phương pháp đánh giá

Các học phần được đánh giá theo 3 hoạt động sau:

Kiểm tra thường xuyên: Đánh giá tinh thần, thái độ học tập: mức độ đi học đầy đủ, phát biểu trong các giờ thảo luận, làm bài tập về nhà, v.v. của sinh viên

Trọng số điểm: 10%

Kiểm tra giữa kì: Sử dụng một trong các hình thức hoặc kết hợp giữa các hình thức sau: Kiểm tra vấn đáp, thuyết trình, trắc nghiệm, viết tự luận… vào khoảng giữa kỳ học.

Trọng số điểm: 30%

Đề thi giữa kỳ yêu cầu khả năng vận dụng kiến thức, phân tích/đánh giá kiến thức và đưa ra các ý tưởng/cách thức giải quyết vấn đề mới (nếu có). Điểm số được đánh giá tùy theo mức độ đạt được các yêu cầu này.

Kiểm tra cuối kì: Sử dụng một trong các hình thức sau:

- Viết tiểu luận
- Thi viết/ trắc nghiệm/ vấn đáp

Đề thi cuối kỳ yêu cầu khả năng vận dụng kiến thức, phân tích/đánh giá kiến thức và đưa ra các ý tưởng/cách thức giải quyết vấn đề mới (nếu có). Điểm số được đánh giá tùy theo mức độ đạt được các yêu cầu này.

Trọng số điểm: 60%

6. So sánh với chương trình đào tạo của một chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài

Chương trình Đông Nam Á học của Đại học Thammasat (Thái Lan) được chọn để so sánh với chương trình Đông Nam Á học của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân

văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) vì những lý do sau: Trước hết, Thammasat là một trường đại học có uy tín trên thế giới và ở châu Á. Theo Bảng xếp hạng các trường Đại học ở châu Á, Trường Đại học Thammasat đứng ở vị trí trên 400 trường đại học tốt nhất châu Á năm 2022. Bên cạnh đó, Thammasat là một trường đại học ở Thái Lan - quốc gia cùng nằm trong khối ASEAN như Việt Nam, nên có nhiều điểm tương đồng với trường ĐHKHXH&NV Hà Nội về điều kiện giảng dạy, môi trường văn hóa, xã hội, lịch sử. Mục đích đào tạo chính của chương trình Đông Nam Á của ĐH Thammasat cũng như của ĐHKHXH&NV Hà Nội đều hướng tới nhu cầu và sự phát triển của quốc gia mình và của Cộng đồng ASEAN. Trong khi đó, nhiều trường đại học có uy tín ở Âu -Mỹ có chương trình đào tạo Đông Nam Á học dù có chỉ số xếp hạng cao hơn nhưng có nhiều khác biệt với Việt Nam về điều kiện kinh tế, môi trường xã hội, văn hóa, lịch sử cũng như mục tiêu đào tạo, hướng tiếp cận và nội dung chương trình đào tạo về Đông Nam Á học. Tương tự, chương trình Đông Nam Á học của ĐHQG Singapore - một trường đại học có uy tín lớn trên thế giới và khu vực - cũng không phù hợp với thực tế ở Việt Nam. Với cơ sở vật chất hiện đại, tiềm lực tài chính mạnh, hệ thống thư viện khổng lồ, đội ngũ chuyên gia đông đảo đến từ nhiều nước trên thế giới, chương trình đào tạo Đông Nam Á học của Singapore có tính chuyên sâu cao về từng quốc gia Đông Nam Á, có mục tiêu và khả năng thu hút sinh viên đến từ nhiều nước trên thế giới. Vì thế, nếu áp dụng các chương trình Đông Nam Á học của các trường Âu - Mỹ, Singapore sẽ không thể phù hợp với điều kiện giảng dạy cũng như nhu cầu thực tế của xã hội ở Việt Nam. Xuất phát từ thực tế này, việc lựa chọn chương trình Đông Nam Á học của ĐH Thammasat (Thái Lan) để so sánh với chương trình Đông Nam Á học của ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG Hà Nội) là phương án khả thi nhất.

a. Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình

- Tên chương trình: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Đông Nam Á học (Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Thammasat, Thái Lan).

- Tên văn bàng sau khi tốt nghiệp: BA in Southeast Asian Studies

- Xếp hạng của cơ sở, ngành đào tạo: Trong Bảng xếp hạng các trường Đại học châu Á (Asian University Rankings), Trường Đại học Thammasat xếp thứ hạng trên 400 (năm 2022).

b. Bảng so sánh chương trình đào tạo

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (tiếng	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của hai chương

	ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Anh, tiếng Việt)	trình đào tạo
	Kiến thức cơ bản về triết học và tôn giáo (*Fundamentals of Philosophy and Religions*)	Lịch sử, văn hóa và tư tưởng phương Đông *(History, Culure, and Thoughts of the Orient)*	- Giống nhau: Đều cung cấp các kiến thức cơ bản về triết học và tôn giáo. - Khác nhau: Học phần của trường ĐHKHXH&NVHN chuyên sâu về kiến thức lịch sử, văn hóa, triết học và tôn giáo Phương Đông Giống nhau 70%
	Xã hội và Kinh tế (Society and Economy)	Kinh tế Đông Á (*East Asian Economy)*	- Khác nhau: Chương trình của Trường Thammasat giới thiệu chung về kinh tế và xã hội, trong khi Trường ĐHKHXH&NVHN tập trung vào vấn đề kinh tế khu vực Đông Á Giống nhau 60%
	- Đông Nam Á cổ đại *Ancient Southeast Asia* - Đông Nam Á hiện đại *Modern Southeast Asia*	Lịch sử Đông Nam Á *(History of Southeast Asia)*	- Giống nhau: Đều đề cập đến lịch sử Đông Nam Á - Khác nhau: Chương trình của Trường Thammasat chuyên sâu hơn các thời kỳ lịch sử cổ đại và hiện đại (do có nhiều tín chỉ hơn) Giống nhau 80%
	- Văn hóa đại chúng hiện đại ở Đông Nam Á *(Modern Popular Culture in Southeast Asia)* *- Quản lý di sản văn hóa và Bảo tàng*	- Văn hóa Đông Nam Á *(Culture of Southeast Asia)* - Các dân tộc ở Đông Nam Á (*Ethnics in Southeast*	- Giống nhau: Đều cung cấp kiến thức về văn hóa và các dân tộc orĐông Nam Á - Khác nhau: Chương trình của ĐH Thammasat có các học phần riêng về văn hóa đại chúng và Quản lý di sản văn hóa. Ngoài ra, chương trình

	ở Đông Nam Á (Management of Cultural Heritage Sites and Museums in Southeast Asia) *- Dân tộc và văn hóa ở Đông Nam Á (Ethnicity and Culture in Southeast Asia)*	*Asia*)	cũng dành một học phần để cập đến văn hóa trong mối quan hệ với tộc người. Chương trình của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tách riêng vấn đề văn hóa và các dân tộc thành hai học phần chung. Giống nhau 60%
	- Địa lý nhân văn Đông Nam Á *Human Geography of Southeast Asia* - Đông Nam Á trong nền kinh tế và tài chính toàn cầu *Southeast Asia in the Global Economy and Finance*	Địa lý, cư dân và Kinh tế Đông Nam Á *Geography, People and Economy of Southeast Asia*	- Giống nhau: Đều cung cấp kiến thức về địa lý, kinh tế ở Đông Nam Á - Khác nhau: Chương trình của Trường Thammasat chia làm 2 học phần riêng, Chương trình của ĐHKHXH&NVHN gộp các vấn đề địa lý, dân cư và kinh tế trong 1 học phần Giống nhau 70%
		Nhập môn Đông Nam Á học *Introduction to Southeast Asian studies*	ĐH Thammasat không có học phần Nhập môn Đông Nam Á học. Tuy nhiên đây là học phần cần thiết, là bước dẫn nhập quan trọng cho việc học tập và nghiên cứu về Đông Nam Á học: giới thiệu tổng quan về phương pháp nghiên cứu Đông Nam Á, các xu hướng nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu về khu vực từ trước đến nay.

	– Luật pháp và các vấn đề của Cộng đồng ASEAN (*Law and Issues in ASEAN Community*) - Thái Lan, ASEAN và thế giới (*Thailand, ASEAN, and the World*)	Cộng đồng ASEAN (ASEAN Community)	-Giống nhau: -Đều đề cập các vấn đề của Cộng đồng ASEAN nói chung và các quy định của ASEAN, cũng như quan hệ của ASEAN với bên ngoài - Khác nhau: Chương trình của Thammasat quan tâm vấn đề vai trì, vị trí của Thái Lan trong ASEAN, còn chương trình của Trường Đại học KHXH&NV quan tâm đánh giá nhiều hơn về vấn đề vị trí, vai trò của Việt Nam trong ASEAN. Giống nhau 80%
	- Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á *(International Relations in Southeast Asia)* - Các cường quốc lớn và Đông Nam Á (*Major Powers and Southeast Asia*)	- Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á *(International Relations in Southeast Asia)*	- Giống nhau: Đều có các học phần về Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á; - Khác nhau: Chương trình của Trường ĐH Thammasat tách vấn đề quan hệ quốc tế ở trong Đông Nam Á và giữa Đông Nam Á với các cường quốc bên ngoài thành hai học phần riêng. Còn chương trình của ĐHKHXH&NV gộp hai vấn đề nói trên trong một học phần Giống nhau 80%
	- Nghe và nói tiếng Anh (*Listening and Speaking*) - Đọc hiểu (Critical Reading)	- Tiếng Anh nâng cao 1 - Tiếng Anh nâng cao 2 - Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa - Tiếng Anh chuyên	- Giống nhau: Đều nhắm mục đích nâng cao trình độ tiếng Anh của sinh viên - Khác nhau: Trong chương trình học của Trường ĐHKHX&NV Hà Nội chuyên sâu hơn vào tiếng Anh chuyên

	- Viết chuyên sâu (*Critical Writing*) - Kỹ năng thyết trình (*Presentation Skills*)	ngành Xã hội - Tiếng Anh chuyên ngành Chính trị - Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế - Tiếng Anh chuyên ngành Lịch sử	ngành về Đông Nam Á học Giống nhau 50%
	- Tiếng Indonesia sơ cấp 1 (*Elementary Indonesian 1)* - Tiếng Indonesia sơ cấp 2 *(Elementary Indonesian 2)*	- Tiếng Indonesia sơ cấp 1*(Elementary Indonesian 1)* - Tiếng Indonesia sơ cấp 2 *(Elementary Indonesian 2)*	- Giống nhau: Đều giảng dạy các tiếng bản địa của khu vực Đông Nam Á: - Khác nhau: ĐH Thammasat còn dạy thêm một số ngôn ngữ bản địa khác như tiếng Campuchia, Lào, Myanmar, Filipino... Ở ĐHKHXH&NV, chương trình Đông Nam Á học không đi sâu học các tiếng bản địa do nhu cầu xã hội ít, mà tập trung vào tiếng Indonesia và tiếng Thái Lan Giống nhau 80%
	- Tiếng Việt sơ cấp 1 *(Elementary Vietnamese 2)* - Tiếng Việt sơ cấp 1 *(Elementary Vietnamese 2)* -Tiếng Indonesia trung cấp 1 *(Intermediate Indonesian 1)* -Tiếng Indonesia trung cấp 2 *(Intermediate Indonesian 2)* -Tiếng Việt trung cấp 1 *(Intermediate Vietnamese 1)* -Tiếng Việt trung cấp 2 *(Intermediate Vietnamese 2)* -Tiếng Indonesia nâng cao 1 *(Advanced Indonesian 1)* -Tiếng Indonesia nâng	- *Tiếng* Thái sơ cấp 1 *(Elementary Thai 1)* - Tiếng Thái sơ cấp 2 *(Elementary Thai 2)* - Tiếng Indonesia trung cấp 1 *(Intermediate Indonesian 1)* - Tiếng Indonesia trung cấp 2 *(Intermediate Indonesian 2)* - Tiếng Thái trung cấp 1*(Intermediate Thai 1)* - Tiếng Thai trung cấp 2 *(Intermediate Thai 2)* - Tiếng Indonesia nâng cao 1 *(Advanced Indonesian 1)* - Tiếng Indonesia nâng cao 2 *(Advanced Indonesian 2)*	

	cao 2 *(Advanced Indonesian 2)* -Tiếng Việt nâng cao 1 *(Advanced Vietnamese 1)* *-Tiếng Việt nâng cao 2 (Advanced Vietnamese 2)*	- Tiếng Thái nâng cao 1 *(Advanced Thai 1)* - Tiếng Thái nâng cao 2 *(Advanced Indonesian 2)*	
	Tôn giáo trong bối cảnh chính trị -xã hội Đông Nam Á (*Religions in Southeast Asian Socio–Political Contexts)*	Tôn giáo ở Đông Nam Á (*Religions in Southeast Asia)*	Giống nhau khoảng 90%. Chương trình của ĐH Thammasat đi sâu hơn về vấn đề tôn giáo trong bối cảnh chính trị -xã hội, Chương trình của ĐHKHXH&NV bàn luận cả khía cạnh văn hóa của tôn giáo tại khu vực
	- Giới tinh hoa và cấu trúc quyền lực ở Đông Nam Á *(Elite and Power Structure in Southeast Asia)* - Seminar về các vấn đề chính trị ở Đông Nam Á (*Seminar on Political Issues in Southeast Asia)*	Thể chế chính trị ở các nước Đông Nam Á *Political Institutions in Southeast Asia*	- Giống nhau: Đều đề cập vấn đề thể chế chính trị các nước Đông Nam Á - Khác nhau: ĐH Thammasat có nội dung sâu hơn về các vấn đề chính trị nổi bật cũng như quyền lực của giới tinh hoa ở các nước Đông Nam Á Giống nhau 80%
	Quản lý du lịch và Khách sạn tại Đông Nam Á *(Tourism and Hospitality Management in Southeast Asia)*	Phát triển du lịch ở Đông Nam Á *Tourism development in Southeast Asia*	- Giống nhau: Đều đề cập đến vấn đề phát triển du lịch ở Đông Nam Á Gióng nhau 80%
	- Văn học Đông Nam Á	Văn học - nghệ thuật ở các nước Đông	Giống nhau: Đều giảng dạy về văn hoạc và nghệ thuật Đông

	(*Literature in Southeast* Asia) - Nghệ thuật trong văn hóa đương đại ở Đông Nam Á (*Arts in Contemporary Culture of Southeast Asia*) - Nghệ thuật với tư cách là Di sản văn hóa ở Đông Nam Á *(Art as Cultural Heritages in Southeast Asia*)	Nam Á *(Literature and Arts in Southeast Asia)*	Nam Á - Khác nhau: Chương trình của ĐH Thammasat tách thành những học phần riêng về văn học và nghệ thuật, đặc biệt nhấn mạnh vào nghệ thuật đương đại và quản lý di sản nghệ thuật. Chương trình của ĐHKHXHNV gộp 2 vấn đề văn học - nghệ thuật trong một học phần
	Di cư và di chuyển lao động ở Đông Nam Á (*Migration and Labour Mobility in Southeast Asia*)	Di cư và di chuyển lao động ở Đông Nam Á (*Migration and Labour Mobility in Southeast Asia*)	Giống nhau 100%
	Niên luận (*Research Projects*)	Niên luận	Giống nhau 100%
	Thực tập *(Short-Term Internship)*	Thực tập (*Internship*)	Giống nhau 100%
	- Seminar về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa- Xã hội Đông Nam Á *(Seminar on Economic Issues in Southeast Asia* *Seminar on Political Issues in Southeast Asia* *Seminar on Socio–Cultural Issues in Southeast Asia*) - Khủng hoản toàn cầu	- Cơ hội và tiềm năng phát triển của khu vực Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập (*Opportunities and development potentials of Southeast Asia in the integration period*) - Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương đại	- Giống nhau: Đề cập một số vấn đề quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Đông Nam Á đương đại - Khác nhau: Chương trình của ĐH Thammasat đề cập những vấn đề nổi bật ở từng lĩnh vực kinh tế/ chính trị/văn hóa xã hội trong những học phần riêng, không chỉ trình bày về thách thức mà cả về tiềm năng, cơ hội... Chương trình của ĐHKHXH&NV nhóm lại các

	và phát triển bền vững (*Global Crisis and Sustainable Development*)	*(Some of Chalenges in Contemporary Southeast Asia)*	vấn đề nổi bật về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội theo hai nhóm thách thức/cơ hội với hai học phần riêng
	Một số học phần tự chọn khác: - Truyền thông đại chúng ở Đông Nam Á - Ngôn ngữ và chính trị ở Đông Nam Á - Những thành phố lớn và đô thị hóa ở Đông Nam Á - Kinh doanh ở Đông Nam Á - Đông Nam Á - một trung tâm văn hóa và thương mại - Tri thức ở Đông Nam Á - Phong trào xã hội ở Đông Nam Á	Không có	Chương trình Đông Nam Á học của Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội không có các học phần này do số tín chỉ dành cho khối kiến thức nhóm ngành và chuyên ngành ít, trong khi chương trình ĐH Thammasat được phép dành nhiều tín chỉ cho các môn chuyên ngành nên có khả năng chuyên sâu hơn về Đông Nam Á.
	Niên luận *(Research Project)*	Niên luận *(Research Project)*	Giống nhau 100%
	Short-Term Internship	Thực tập, thực tế *(Internship)*	Chương trình Đông Nam Á học của ĐH Thammasat không có học phần thực tập, thực tế
	Khóa luận tốt nghiệp (*Thesis*)	Khóa luận tốt nghiệp *(Thesis)*	Giống nhau 100%

Nhận xét chung:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Đông Nam Á học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội được xây dựng có rất nhiều điểm tương đồng với Chương trình Đông Nam Á học của Đại học Thammasat Thái Lan.

Những điểm giống nhau căn bản như sau:

- Hai chương trình có số tín chỉ trên 130 tín chỉ, được thiết kế theo các môn học chung của trường, nhóm ngành và ngành.

- Đều dạy các ngôn ngữ bản địa ở Đông Nam Á (tiếng Indonesia, tiếng Thái, tiếng Việt...)

- Đa số các học phần thuộc chuyên ngành Đông Nam Á học là tương đồng nhau, một số học phần giống nhau 100%. Đây là điều kiện rất thuận lợi để sinh viên hai trường sau này có thể trao đổi học tập nếu xây dựng chương trình liên kết.

Những điểm khác:

- Số tín chỉ dành cho các khối kiến thức chuyên ngành Đông Nam Á học của Chương trình Đông Nam Á học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXH&NV)-ĐHQGHNít hơn so với chương trình Đông Nam Á học của Đại học Thammasat. Trong chương trình của Trường ĐHKHXH&NV có các khối kiến thức chung của ĐHQGHN và khối kiến thức theo lĩnh vực (chung cho Trường ĐHKHXH&NV) đã chiếm một thời lượng nhất đinh (xuất phát từ thực tế ĐHQGHN và Trường ĐHKHXH&NV muốn trang bị cho sinh viên nhiều kiến thức nền tảng về khoa học xã hội), nên số tín chỉ dành cho chuyên ngành Đông Nam Á học giảm đi. Trong khi đó, chương trình Đông Nam Á học ở ĐH Thammasat có ít học phần chung về khoa học xã hội và dành nhiều thời lượng hơn cho các học phần chuyên sâu về Đông Nam Á học.

- Chương trình Đông Nam Á học của ĐH Thammasat giảng dạy nhiều ngôn ngữ bản địa hơn (có tiếng Việt, tiếng Indonesia, tiếng Malaysia, tiếng Campuchia, tiếng Lào, tiếng Khmer, tiếng Myanmar ...). Trong khi đó, chương trình Đông Nam Á học của ĐHKHXH&NV chỉ mới tập trung vào giảng dạy tiếng Indonesia và tiếng Thái Lan. Điều này chủ yếu xuất phát từ nhu cầu xã hội với các thứ tiếng Lào, Campuchia, v.v. còn khá thấp. Do đó chương trình đào tạo Đông Nma Á học của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn sẽ từng bước mở rộng việc học các ngôn ngữ bản địa khác (tiếng Myanmar, Khmer...) khi nhu cầu xã hội tăng cao để phù hợp với tình hình thực tế.

Mặc dù có một số điểm khác biệt như trên, nhưng về cơ bản, khung chương trình Đông Nam Á học của ĐH Thammasat (Thái Lan) và ĐHKHXH&NV (ĐHQGHN) có rất nhiều điểm tương đồng. Đây là cơ sở thuận lợi để nếu ngành Đông Nam Á học ở trường ĐHKHXH&NV được thiết lập và đào tạo, ngành sẽ có nhiều cơ

hội để tăng cường hợp tác, giao lưu, trao đổi sinh viên với Trường Đại học Thammasat, từ đó từng bước mở rộng hợp tác với các trường Đại học khác trong khu vực và thế giới. Vì thế, ngành Đông Nam Á học ở ĐH KHXH&NV mang những tiềm năng để trở thành một trung tâm kết nối, xây dựng và phát triển Cộng đồng Văn hóa ASEAN.

Thời điểm điều chỉnh Chương trình đào tạo: tháng 7 năm 2023

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Trưởng Khoa/BM/Viện	**Trưởng phòng Đào tạo**	**Hiệu trưởng** **(Duyệt)**